

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

Số: 602/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lào Cai, ngày 21 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**BAN HÀNH PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI
NĂM 2022 TỈNH LÀO CAI**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều; Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 312/SNN-PCTT ngày 02/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2022 tỉnh Lào Cai.

(Có Phương án kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT (Cơ quan Thường trực phòng, chống thiên tai) tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã, các cơ quan đơn vị, các tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện tốt Phương án này. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, và Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng chống thiên tai theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Quốc phòng;
- Ban Chỉ đạo quốc gia về PCTT;
- Ủy ban Quốc gia UPSCTT và TKCN;
- Tổng cục PCTT;
- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành TV BCH PCTT và TKCN tỉnh;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP TT BCH PCTT và TKCN tỉnh;
- Ban Biên tập Công TTĐT;
- Lưu: VT, TH1,4, NLN1,2,3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

PHƯƠNG ÁN

ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI NĂM 2022 TỈNH LÀO CAI
(Kèm theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 21/03/2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

Phần I

**ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI; THỜI TIẾT KHÍ HẬU,
THIÊN TAI; CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI; CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI; PHẠM VI,
ẢNH HƯỞNG**

I. Đặc điểm tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội

1. Diện tích tự nhiên và vị trí địa lý: Tỉnh Lào Cai có diện tích tự nhiên 636.425 ha, với vị trí địa lý nằm ở vùng miền núi phía Tây Bắc, cách Hà Nội 296 km theo đường sắt, 245 km theo đường cao tốc Lào Cai - Hà Nội và 265 km theo đường QL 70. Phía Đông giáp tỉnh Hà Giang; phía Tây giáp tỉnh Lai Châu; phía Nam giáp tỉnh Yên Bái, phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với 182,086 km đường biên giới.

2. Địa hình: Tỉnh Lào Cai rất phức tạp, phân tầng độ cao lớn, mức độ chia cắt mạnh, độ dốc lớn. Địa hình đặc trưng chủ yếu là núi cao, đôi dốc, khe sâu; những vùng đất có độ dốc trên 25° chiếm 80% diện tích đất của toàn tỉnh. Địa hình được chia thành 2 vùng, với đặc trưng của nền nhiệt và chịu sự tác động của khí hậu thời tiết, thiên tai khác nhau, gồm:

- Vùng đồi núi cao gồm các huyện: Sa Pa, Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương và một phần huyện Bát Xát, Văn Bàn thường xuyên chịu tác động của các loại hình thiên tai như: Đông lốc, lũ ống, lũ quét, mưa đá, mưa lớn, sạt lở đất, rét hại,...

- Vùng thấp gồm huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên, thành phố Lào Cai và các xã vùng thấp của huyện Văn Bàn, Bát Xát thường bị ngập úng do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, hoàn lưu bão, mưa lớn,...

3. Sông, suối: Lào Cai có hệ thống sông, suối dày đặc được phân bố khá đều trên địa bàn tỉnh, trong đó có ba con sông lớn là sông Hồng, sông Chảy và sông Nậm Thi có độ dốc cao, hàm lượng phù sa lớn.

- Sông Hồng: Điểm tiếp xúc đầu tiên của sông Hồng với lãnh thổ Việt Nam tại xã A Mú Sung, huyện Bát Xát; chính giữa sông là điểm phân chia lãnh thổ hai nước; đến thành phố Lào Cai, sông Hồng chảy hẳn vào lãnh thổ Việt Nam, trong đó chảy qua tỉnh Lào Cai với chiều dài khoảng 120 km; mực nước cao nhất 8.261 cm, thấp nhất 7.560 cm; lưu lượng nước cao nhất $7.450\text{m}^3/\text{s}$, thấp nhất $112\text{m}^3/\text{s}$.

- Sông Chảy: Bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua các huyện: Si Ma Cai, Bắc Hà, Bảo Yên. Độ dài sông Chảy đi qua tỉnh Lào Cai với chiều dài khoảng 124 km; mực nước cao nhất 7.409 cm, thấp nhất 6.727 cm; lưu lượng nước cao nhất $1.480\text{m}^3/\text{s}$, thấp nhất $7\text{m}^3/\text{s}$.

- Sông Nậm Thi: Bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua các huyện Mường Khương, Bảo Thắng, thành phố Lào Cai. Độ dài sông Nậm Thi đi qua tỉnh Lào Cai khoảng 122 km, mùa mưa thường xuyên xảy ra lũ, ngập lụt khu vực ven sông các huyện Bảo Thắng và thành phố Lào Cai.

- Suối: Ngoài ba con sông chính, trên địa bàn tỉnh còn có khoảng 107 dòng suối lớn, nhỏ như suối Ngòi Bo, suối Ngòi Nhù, Suối Minh Lương,... về mùa mưa có thể gây sạt lở đất, ngập lụt, lũ ống, lũ quét..., gây thiệt hại về người và tài sản của Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

4. Đặc điểm dân số, lao động, hộ nghèo (Theo niên giám thống kê tỉnh năm 2020)

a) Dân số trung bình toàn tỉnh năm 2020, là: 746.355 người (Nam 380.104 người, chiếm 50,93%; Nữ 366.251 người, chiếm 49,07%). Mật độ dân số bình quân $117,22$ người/km².

b) Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên: Tổng số: 448.917 người (Nam 235.587 người, chiếm 52,47%; Nữ 213.330 người, chiếm 47,53%).

c) Tỷ lệ hộ chuẩn nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2021-2025 (Theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ): Hộ nghèo: 44.342 hộ; hộ cận nghèo: 22.422 hộ.

d) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh: 96%; thành thị 100%.

5. Đặc điểm cơ sở hạ tầng (Theo niên giám thống kê tỉnh năm 2020).

a) Viễn thông: Số thuê bao điện thoại 663.300 (Di động 644.700; cố định 18.600); tỷ lệ người sử dụng điện thoại 89,39%. Số thuê bao Internet 477.442 (Di động 395.841; cố định 81.581); tỷ lệ hộ gia đình kết nối Internet 46,6%.

b) Giáo dục: 598 trường học, trong đó 195 trường mầm non, 182 trường tiểu học, 153 trường Trung học cơ sở, 27 trường trung học phổ thông, 32 trường phổ thông cơ sở, 9 trường trung học với 58.623 học sinh mầm non; 158.078 học sinh phổ thông và cao đẳng.

c) Y tế: 356 cơ sở khám chữa bệnh, trong đó 14 bệnh viện và 01 bệnh viện phục hồi chức năng, 18 phòng khám đa khoa khu vực, 152 trạm y tế cấp xã, 5.038 giường bệnh với 4.150 cán bộ ngành y tế.

d) Hệ thống đường giao thông: Trên địa bàn tỉnh hiện có 6.720 km, trong đó 5 tuyến Quốc lộ và cao tốc đi qua địa bàn tỉnh với tổng chiều dài 524,95 km; 16 tuyến tỉnh lộ dài 611,7 km; đường huyện 1.094,3 km; đường liên xã 4.187,5 km; đường đô thị 375,6 km; đường chuyên dùng 519 km.

đ) Hệ thống điện: Toàn tỉnh Lào Cai có 1.572 trạm biến áp, trong đó 7 trạm biến áp 110 KV, 02 trạm biến áp 220 KV, 1.563 trạm biến áp 0,4 KV đến 35 KV với tổng số đường dây điện lưới từ 35KV đến nhánh rẽ 1 pha là 5.197,28 km, 67 nhà máy thủy điện đang hoạt động; sản xuất điện 4.417 KW/h. Hệ thống điện lưới được phát triển đồng bộ truyền tải và phân phối trên địa bàn tỉnh đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

e) Cơ sở hạ tầng khác: 1.143 công trình thủy lợi, 67 hồ đập thủy điện điều tiết nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt và điều tiết nguồn nước ứng phó khi có mưa, lũ lớn; 152 trụ sở UBND cấp xã; 152 Đài phát thanh cấp xã; 152 nhà văn hóa đa năng, nhà văn hóa cộng đồng (100% cấp xã có Đài phát thanh và nhà văn hóa cộng đồng). Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có hàng nghìn trụ sở cơ quan nhà nước; trụ sở các công ty, doanh nghiệp; nhà, xưởng sản xuất, kinh doanh của các công ty, doanh nghiệp; hệ thống mạng thông tin công cộng, mạng viễn thông cố định mặt đất, mạng thông tin chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh, các cơ sở hạ tầng khác hỗ trợ điều hành ứng phó với thiên tai và là nơi tránh trú mỗi khi mưa, bão cho người dân.

4. Hệ thống cảnh báo, dự báo Khí tượng, Thủy văn

a) Hệ thống thông tin cảnh báo Khí tượng, Thủy văn: 79 trạm đo mưa tự động; trong đó:

- Trạm đo mưa do Đài Khí tượng, thủy văn Lào Cai quản lý 26 trạm. Tuy nhiên, hệ thống các Trạm khí tượng Thủy văn và các trạm đo mưa của Đài Khí tượng Thủy văn Lào Cai hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu cảnh báo, dự báo về diễn biến thiên tai do đã xuống cấp, kỹ thuật lạc hậu (Trừ 13 trạm đo mưa tự động mới lắp đặt năm 2019).

- Nhà máy thủy điện Vĩnh Hà, huyện Bảo Yên lắp đặt 01 trạm đo mưa tự động.

- Văn phòng Thường trực phòng, chống thiên tai quản lý 52 trạm.

b) Hệ thống cảnh báo sớm thời tiết, thiên tai: 03 trạm thời tiết tổng hợp được lắp đặt tại xã Hòa Mạc - huyện Văn Bàn, xã Dền Sáng - huyện Bát Xát, xã Lùng Cải - huyện Bắc Hà; dự kiến năm 2022, lắp đặt thêm 01 hệ thống (03 trạm thời tiết tổng hợp) để cảnh báo sớm thời tiết, thiên tai.

c) Hệ thống cảnh báo lũ bùn đá: 01 hệ thống cảnh báo sớm lũ bùn đá được lắp đặt tại thôn Can Hồ A, xã Ngũ Chỉ Sơn, thị xã Sa Pa do Đài Loan tài trợ; hiện nay đang vận hành thử nghiệm.

II. Thời tiết khí hậu, thiên tai

1. Nhận định chung: Những tháng đầu năm 2022, thời tiết chủ yếu là rét đậm, rét hại kèm theo mưa. Các đợt rét đậm, rét hại xảy ra tập trung vào tháng 01 và 02/2022, có đợt rét đậm, rét hại kéo dài đến 28 ngày, xuất hiện mưa tuyết tại một số vùng núi cao. Dự báo nhiệt độ thấp nhất ở một số địa phương như sau: Vùng thấp giảm tới 7-9°C, vùng núi khoảng 2-4°C, Sa Pa và xã Ý Tý huyện Bát Xát rét nhất dưới 0°C. Từ cuối tháng 3-4/2022, các huyện vùng núi có thể mưa đá kèm lốc xoáy xuất hiện; tần suất mưa đá tăng dần, đạt đỉnh điểm vào tháng 4 đến tháng 5/2022. Nắng nóng có xu hướng xuất hiện muộn hơn so với TBNN; cả mùa có khoảng 9-11 đợt nắng nóng xảy ra diện rộng. Các đợt nắng nóng xuất hiện tập trung vào khoảng tháng 5-7/2022. Nền nhiệt độ cả mùa mưa, bão, năm 2022 cao hơn TBNN; tháng 5 và 6 nhiệt độ ở mức xấp xỉ TBNN; các tháng còn lại cao hơn TBNN khoảng 0,5-1°C. Lượng mưa tại các địa phương trong tỉnh có chiều hướng tăng so với TBNNCK từ 20-30%. Từ tháng 3-5/2022, tổng lượng mưa có xu thế xấp xỉ bằng TBNNCK, thời kỳ bắt đầu mùa mưa khả năng xảy ra đúng với quy luật nhiều năm. Lũ tiểu mãn có thể xuất hiện vào cuối tháng 5 đầu tháng 6 năm 2022.

2. Nhiệt độ: Nửa cuối mùa Đông Xuân năm 2021-2022, tỉnh Lào Cai chịu ảnh hưởng của 5-6 đợt không khí lạnh, chưa kể những đợt không khí lạnh tăng cường. Rét đậm, rét hại từ tháng 01 đến tháng 3/2022 vùng thấp chịu ảnh hưởng khoảng 3-4 đợt rét đậm, rét hại; vùng cao chịu ảnh hưởng khoảng 4-5 đợt.

3. Mưa đá, lốc xoáy: Lốc xoáy có tần suất tăng dần, kèm theo mưa đá và đạt ngưỡng cực đại vào tháng 4 đến tháng 5/2022.

4. Nắng nóng: Có xu hướng xuất hiện muộn hơn so với TBNN; cả mùa có khoảng 7-9 đợt nắng nóng xảy ra diện rộng. Các đợt nắng nóng xuất hiện tập trung vào khoảng tháng 5-7/2022; đợt đầu tiên có khả năng xuất hiện vào giữa tháng 6/2022. Nền nhiệt độ cả mùa mưa, bão năm 2022 cao hơn TBNN; hai tháng đầu mùa (tháng 5,6) nhiệt độ ở mức xấp xỉ TBNN; các tháng còn lại cao hơn TBNN khoảng 1,0-1,5°C.

5. Mưa, mưa lớn: Tổng lượng mưa toàn mùa mưa bão năm 2022 phổ biến ở mức xấp xỉ trên TBNN. Lượng mưa tại các địa phương trong tỉnh có chiều hướng tăng so với TBNN cùng kỳ từ 20-30%. Các tháng 7, 8, 9 lượng mưa xấp xỉ trên TBNN. Các đợt mưa lớn có khả năng tập trung khoảng tháng 7 đến tháng 8/2022.

6. Bão và áp thấp nhiệt đới: Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) hoạt động trên biển Đông, ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền Việt Nam. Trong năm 2022, có khả năng xấp xỉ bằng so với TBNN (Có khoảng 11-14 cơn bão, hoặc ATNĐ hoạt động trên biển Đông, trong đó có từ 10-11 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền). Tại Lào Cai ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão và ATNĐ nhưng chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão xa và hậu bão. Dự báo mùa mưa lũ năm 2022, Lào Cai chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão xa 6-7 cơn bão và ATNĐ.

7. Thủy văn: Trên địa bàn tỉnh Lào Cai có 3 hệ thống sông chính là sông Hồng, sông Chảy và sông Nậm Thi. Lượng nhập lưu giữa 3 hệ thống này rất lớn, trong khi đó các hồ chứa phục vụ sản xuất điện nhỏ và vừa lại rất nhiều. Từ đó, 43,7% dòng chảy thấp nhất xuất hiện vào tháng 3; 23,3% dòng chảy thấp nhất xuất hiện vào tháng 4. Dòng chảy nhỏ nhất năm chủ yếu xuất hiện vào tháng 3; mực nước thấp nhất năm có xu thế thấp dần so với các năm trước do sự điều tiết của các hồ chứa thủy điện phía thượng nguồn. Trên sông Hồng tại trạm Thủy Văn Lào Cai dòng chảy thấp nhất trong năm có khả năng xuất hiện vào đầu tháng 3 năm 2022. Mực nước thấp nhất từ 7.560m, cao nhất 8.261m. Đỉnh lũ trên sông Hồng tại Lào Cai có khả năng ở mức 81,5 - 83 m hay trên báo động I (BĐI) từ 1,0-1,3m. Biên độ lũ đạt 4,5-5,0m. Trên sông Chảy tại trạm Thủy Văn Bảo Yên dòng chảy thấp nhất trong năm có khả năng xuất hiện vào cuối tháng 3 hoặc đầu tháng 4/2022. Mực nước thấp nhất 6.727m, cao nhất 7.409m. Đỉnh lũ trên sông Chảy tại Bảo Yên ở mức xấp xỉ dưới TBNN từ 72,5-72,8m; xấp xỉ BĐII. Biên độ lũ đạt 5,0-6,0m. Các sông suối nhỏ số trận lũ xuất hiện nhiều hơn và biên độ cũng lớn hơn từ 12-13 trận lũ, biên độ đạt từ 6,0-8,0m. Nhìn chung, dòng chảy lũ sẽ tập trung chủ yếu vào tháng 6,7,8 và đầu tháng 9/2022 do chịu ảnh hưởng của các đợt mưa lớn trên diện rộng và các tổ hợp thời tiết xấu do ảnh hưởng của hoàn lưu bão và các hình thế gây mưa lớn,...

III. Các loại thiên tai có khả năng ảnh hưởng đến tỉnh Lào Cai

Tỉnh Lào Cai chịu ảnh hưởng của 19/23 loại hình thiên tai; theo thống kê hàng năm và ghi nhận, phân tích chuỗi số liệu quan trắc về tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh. Trong thời gian 10 năm trở lại đây (*Từ năm 2011 - 2021*), kết hợp với nhận định diễn biến thời tiết năm 2022 có thể xảy ra các loại hình thiên tai sau:

1. Áp thấp nhiệt đới, mưa lớn.
2. Lốc, sét, mưa đá.
3. Lũ, lũ quét, ngập lụt.
4. Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy.
5. Nắng nóng, hạn hán.
6. Rét hại, sương muối, sương mù.

IV. Cấp độ rủi ro thiên tai có khả năng ảnh hưởng đến tỉnh Lào Cai

1. Đối với hoàn lưu bão và áp thấp nhiệt đới: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
2. Đối với lốc, sét, mưa đá: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
3. Đối với mưa lớn: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
4. Đối với sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.

5. Đối với nắng nóng: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
6. Đối với hạn hán: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp độ 2.
7. Đối với lũ, ngập lụt: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.
8. Đối với sương mù, sương muối: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 2.
9. Đối với rét hại: Cấp độ rủi ro cao nhất là cấp 3.

(Cấp độ rủi ro thiên tai được quy định tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

V. Phạm vi ảnh hưởng và số lần xuất hiện của các loại hình thiên tai

1. Áp thấp nhiệt đới, hoàn lưu bão

- Tỉnh Lào Cai không chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão nhưng lại chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão gây mưa lớn, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; ngập úng ở vùng thấp trung thấp. Áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến tỉnh Lào Cai thường có sức gió đã suy yếu khoảng cấp 5 ÷ 6 (Từ 35 ÷ 45 km/h) kèm theo mưa kéo dài trong khoảng từ 2-3 ngày.

- Số đợt ATNĐ ảnh hưởng đến tỉnh Lào Cai trung bình từ 6 - 7 đợt /năm 2022.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó các khu vực vùng thấp như thành phố Lào Cai, Bảo Yên, Bảo Thắng và một phần huyện Bát Xát, Văn Bàn thường chịu ảnh hưởng và thiệt hại do áp thấp nhiệt đới gây ra nhiều hơn so với các huyện, thị xã khác.

2. Lốc, sét, mưa đá

- Thường xuyên xảy ra trên địa bàn tỉnh, tập trung chủ yếu vào đầu mùa mưa. Đây là loại hình thiên tai thường xảy ra cục bộ, bất thường với cường độ lớn, có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến người, tài sản, hoa màu của người dân.

+ Lốc: bình quân 12 ÷ 13 trận/năm.

+ Sét: bình quân 25 ÷ 30 trận/năm (Thường đi kèm với mưa và dông lốc).

+ Mưa đá: bình quân 7 ÷ 8 cơn/năm (Thường kèm theo gió mạnh).

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó tập trung chủ yếu ở các huyện: Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà và một phần huyện Bát Xát.

3. Mưa lớn, ngập lụt

- Là loại hình thiên tai gây thiệt hại lớn nhất; mưa lớn có thể gây lũ ống, lũ quét, trượt sạt lở đất, ngập lụt làm ách tắc giao thông, phá hủy các công trình hạ tầng, nhà cửa, hoa màu của người dân.

- Số đợt mưa lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh trung bình từ: 7÷9 đợt/năm; lượng mưa >100 mm/đợt.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó các địa phương thường chịu ảnh hưởng nhiều nhất tập trung ở các huyện Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn, thành phố Lào Cai, một số xã vùng thấp huyện Bát Xát, Mường Khương.

4. Lũ, lũ quét

- Là những trận lũ lớn, xảy ra bất ngờ, tồn tại trong một thời gian ngắn, dòng chảy xiết, có hàm lượng chất rắn cao, sức tàn phá lớn; thường xảy ra ở các lưu vực nhỏ, có thảm thực bì thưa, độ dốc lưu vực trên 20%. Hàng năm, tỉnh Lào Cai thường chịu ảnh hưởng khoảng 50 trận lũ lớn, nhỏ từ 3 con sông chính: sông Hồng, sông Chảy, sông Nậm Thi và 107 dòng suối lớn nhỏ trên địa bàn tỉnh.

- Số đợt xuất hiện lũ quét xảy ra trên địa bàn tỉnh trung bình từ: 04÷08 đợt/sông suối/năm; lượng mưa >100 mm/đợt hoặc mưa cục bộ tạo dòng chảy lớn.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó tập trung nhiều nhất ở các huyện, thị xã: Sa Pa, Bắc Hà, Si Ma Cai, Văn Bàn, Bát Xát, Mường Khương.

5. Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

- Sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy trên địa bàn tỉnh thường do mưa, mưa lớn kéo dài, kết cấu địa chất kém kết hợp với độ dốc địa hình cao, thảm thực vật kém hoặc do thi công các công trình để lại các hố sâu, ta luy cao.

- Sạt lở, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy có thể gây thiệt hại về người, nhà cửa, tài sản, hoa màu, các công trình hạ tầng, gây ách tắc giao thông và làm hư hỏng nhiều tài sản máy móc thiết bị khác. Theo kết quả điều tra của Viện Vật lý địa cầu tỉnh Lào Cai hiện nay có 453 điểm sạt lở đất, tuy nhiên, đã được cắm biển cảnh báo 413 điểm để cảnh báo cho người dân chủ động phòng tránh.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Nắng nóng

- Nắng nóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên xảy ra vào cuối tháng 5-7 với nền nhiệt độ trong ngày từ 35°C ÷ 42°C. Các đợt nắng nóng từng xảy ra trên địa bàn tỉnh như: Tháng 6/2010, tháng 5 và 6/2015, 6/2017 nhiệt độ cao nhất lên đến 40°C kéo dài trên 5 ngày, đặc biệt tháng 6/2017 nhiệt độ cao nhất 42°C kéo dài 3 ngày. Tuy nhiên, mùa hè năm 2022 được dự báo có khoảng 7-9 đợt nắng nóng xảy ra trên diện rộng, xuất hiện muộn hơn so với TBNN; nhiệt độ nắng nóng tăng dần đột ngột, có khả năng xảy ra những đợt nắng nóng gay gắt đạt ngưỡng 42°C.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh.

7. Hạn hán

- Hạn hán thường xảy ra vào các tháng mùa khô trong năm từ tháng 1 đến tháng 3 và các tháng cuối năm trước từ tháng 11 đến tháng 12. Tuy nhiên, hạn hán cũng có thể xảy ra vào cả tháng 4 đến tháng 5. Điển hình, là đợt hạn hán xảy ra vào tháng 5 năm 2015 với lượng mưa rất thấp, độ thiếu hụt nước trên 50%. Toàn tỉnh Lào Cai năm 2015, có 1.473 ha ruộng bị hạn hán, trong đó diện tích lúa mùa bị hạn hán 370 ha, diện tích lúa đông xuân bị hạn 414 ha, diện tích ngô bị hạn 647 ha, diện tích rau màu 42 ha.

- Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó tập trung ở các huyện Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà và các xã vùng núi cao huyện Bát Xát.

8. Rét hại

- Rét hại xuất hiện khi nhiệt độ trung bình trong ngày dưới 13°C ($T_{tb} \leq 13^{\circ}\text{C}$).

- Rét đậm, rét hại trên địa bàn tỉnh thường xảy ra vào các tháng chính đông (Tháng 11 năm trước đến tháng 02 năm sau). Trong thời điểm rét đậm, rét hại nhiệt độ có thể xuống thấp dưới 0°C gây mưa tuyết, băng giá, sương muối và ảnh hưởng rất lớn đến người, cây trồng, vật nuôi.

9. Sương muối, sương mù

a) Sương muối: Là hiện tượng hơi nước đóng băng thành các hạt nhỏ và trắng như muối ngay trên mặt đất, bề mặt cây cỏ hoặc các vật thể khác khi không khí bên trên ẩm và lạnh. Sương muối thường xuất hiện ở dạng tinh thể màu trắng, mỏng gần mặt đất, gồm các tinh thể băng hình thành; ở vùng khí hậu lạnh sương muối có các hình thức đa dạng. Sương muối chỉ có màu trắng giống như tinh thể muối. Điều kiện hình thành sương muối là nhiệt độ phải xuống dưới 0°C ; sương muối xuất hiện gây thiệt hại về hoa màu của người dân.

b) Sương mù: Là hiện tượng hơi nước ngưng tụ thành các hạt nhỏ li ti giống như mây áp sát mặt đất. Sương mù tạo nên từ hơi ẩm trên mặt đất bốc hơi. Sương mù dày đặc kéo dài trong nhiều ngày kèm theo lạnh vào ban đêm và sáng sớm sẽ làm độ ẩm trong không khí tăng khiến các loại nấm bệnh phát triển nhanh, gây thiệt hại cho cây trồng

c) Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh.

Phần II

CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI THEO CẤP ĐỘ RỦI RO THIÊN TAI NĂM 2021

I. Phân công, phân cấp trách nhiệm phối hợp ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai

Rủi ro thiên tai được phân thành 05 cấp, tăng dần về mức độ rủi ro, bao gồm: Cấp độ 1, cấp độ 2, cấp độ 3, cấp độ 4 và cấp độ 5 (Tình trạng khẩn cấp về thiên tai). Tuy nhiên, tỉnh Lào Cai thường chịu ảnh hưởng của thiên tai cao nhất đến cấp độ 3.

1. Phân công, phân cấp trách nhiệm, phối hợp ứng phó với thiên tai cấp độ 1

1.1. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng chống thiên tai cấp trên. Được quyền huy động tối đa dưới 50% lực lượng để ứng phó với thiên tai: Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, dân quân tự vệ, thanh niên, Đội xung kích Phòng, chống thiên tai cấp xã, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện,... Vật tư, phương tiện, trang thiết bị của cấp xã và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp xã. Tùy theo tính chất, loại hình thiên tai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị cho phù hợp trong khoảng tối đa 50%.

b) Các lực lượng tham gia ứng phó với thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ, thống nhất, nhịp nhàng theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được ủy quyền theo Phương án ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai được Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp huyện hỗ trợ.

1.2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động mọi nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó với thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh. Được quyền huy động tối đa dưới 50% lực lượng để ứng phó thiên tai: Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai cấp huyện, cán bộ, công chức cấp huyện, lực lượng vũ trang trên địa bàn, Dân quân tự vệ, Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện,... Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện, của các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn cấp huyện. Tùy theo tính chất, loại hình thiên tai mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị cho phù hợp nhưng tối đa dưới 50%.

b) Các lực lượng tham gia ứng phó với thiên tai trên địa bàn cấp huyện phải phối hợp chặt chẽ, thống nhất theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người được ủy quyền theo Phương án ứng phó với cấp độ rủi ro thiên tai được Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt và Kế hoạch số 237/KH-BCH ngày 18/5/2021 của Trưởng Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp huyện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh hỗ trợ.

1.3. Biện pháp ứng phó cụ thể của cấp huyện

a) Áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, ngập lụt

- Mưa vừa: Lượng mưa đo được từ 16-50 mm/24h; mưa to: Lượng mưa đo được từ 51-100 mm/24h; mưa rất to: Lượng mưa đo được > 100 mm/24h.

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh cập nhật kịp thời diễn biến thời tiết, thiên tai; chủ động tham mưu cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành công điện, văn bản chỉ đạo đến các cấp, các ngành để có phương án ứng phó với thiên tai trong thời gian tối thiểu trước 6 giờ; trường hợp đột xuất chuyển ngay thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến các địa phương. Tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện chuẩn bị ứng phó thiên tai.

- Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo Chủ tịch UBND cấp xã thông báo kịp thời đến các hộ dân đang sinh sống trong khu vực thiên tai nguy hiểm, hộ nhà ở đơn sơ, nhà ở thiếu kiên cố, nhà ở bàn kiên cố chịu tác động mưa, bão, giông lốc, mưa đá; chỗ ở kém an toàn, chỗ ở phải di dời khẩn cấp; hộ nghèo để có kế hoạch ứng phó thiên tai phù hợp. Chủ động thông báo cho nhân dân thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ” đáp ứng được yêu cầu cứu trợ cho bản thân, gia đình; sẵn sàng hỗ trợ các gia đình và địa phương trước khi các lực lượng bên ngoài đến ứng cứu. Huy động sức mạnh của cả cộng đồng ứng phó với thiên tai kết hợp với ổn định tâm lý, đời sống dân cư; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, toàn dân, toàn xã hội trên tinh thần “Tự mình bảo vệ mình và tự cứu lấy mình” trước thiên tai.

(Có phụ biểu 01 kèm theo)

- Có các biện pháp cụ thể để ứng phó với 113 vị trí có nguy cơ cao về sạt lở đất, lũ ống, lũ quét đã được xác định và mới phát sinh. Chủ động sơ tán người, tài sản của nhà nước và nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong mọi tình huống thiên tai. Phối hợp với cơ quan quản lý điện, Công ty Môi trường đô thị triển khai chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện,... trước khi thiên tai xảy ra; kiểm tra mức độ an toàn, vững chắc của các biển quảng cáo, pa nô, áp phích; các khu vực nhà lá, nhà tạm, các gian giáo của công trình đang thi công,...

- Huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai. Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình; cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng,... chủ động giám sát, hướng dẫn, thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn chặn người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, suối; các tuyến đường, ngầm tràn bị ngập sâu; khu vực có nguy cơ sạt lở đất. Bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai. Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai. Thực hiện các hoạt động tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “Cứu người trước; cứu tài sản sau”, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực xảy ra thiên tai, vùng bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán. Kiểm tra, phát hiện, xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng nơi xảy ra thiên tai.

- Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Dân quân tự vệ, Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã và các lực lượng khác được cấp huyện, cấp xã huy động trên địa bàn cấp huyện, cấp xã. Phương tiện, trang thiết bị: Các loại ca nô, tàu, thuyền, xuồng, các loại phao, áo phao cứu sinh,...; máy câu, máy xúc, máy khoan cắt bê tông; máy bơm nước; các loại xe cứu hộ giao thông, xe cứu thương; cửa máy và các trang thiết bị chuyên dùng khác.

b) Đối với lũ, lũ quét, sạt lở đất: Chỉ đạo công tác trực ban theo dõi giám sát diễn biến mưa, lũ; khi thấy xuất hiện mưa kéo dài ngày hoặc mưa lớn phải xử lý các tình huống, đề phòng xảy ra lũ quét, sạt lở đất; kiểm tra rà soát 445 điểm sạt lở đất, 7 điểm lũ quét và các điểm lũ quét, sạt lở đất phát sinh. Chỉ đạo sơ tán dân; chỉ huy lực lượng tham gia ứng phó tại hiện trường, chỉ đạo công tác cung cấp lương thực, thực phẩm khu vực dễ bị chia cắt. Lập danh sách đầy đủ các hộ, khẩu đối với từng người dân đang sinh sống tại vị trí trọng điểm xung yếu. Xác định địa điểm sơ tán dân với các yêu cầu tối thiểu về chỗ ở phải an toàn. Hỗ trợ di dời dân đến nơi an toàn trước khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất. Triển khai nhanh chóng phương án đảm bảo cho người dân tại nơi sơ tán có nhu yếu phẩm, lương thực, nước uống, nhà tạm tại nơi an toàn. Xử lý các điểm ách tắc giao thông, các công trình cơ sở hạ tầng khu vực bị thiệt hại do sạt lở đất; cung cấp lương thực, thực phẩm đối với vùng bị chia cắt. Huy động tất cả các phương tiện kỹ thuật, các trang thiết bị, vật tư, y tế,... để thực hiện cứu nạn, cứu hộ; ổn định tâm lý cho người dân nơi bị lũ, lũ quét, sạt lở đất.

(Có phụ biểu 02, 03 kèm theo)

c) Đối với nắng nóng, hạn hán

- Nắng nóng: Nhiệt độ cao nhất (T_n) đạt mức $35^{\circ}\text{C} \leq T_n < 37^{\circ}\text{C}$. Nắng nóng gay gắt khi nhiệt độ $37^{\circ}\text{C} \leq T_n < 39^{\circ}\text{C}$ và được coi là ngày nắng nóng đặc biệt gay gắt khi nhiệt độ $T_n \geq 39^{\circ}\text{C}$.

- Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh cập nhật kịp thời các bản tin dự báo nắng nóng, hạn hán bao gồm cả các bản tin nắng nóng, hạn hán trung hạn, dài hạn thông tin tới các cấp, các ngành, các địa phương để có phương án phòng tránh cho người và điều chỉnh kịp thời cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ phù hợp với tình hình nắng nóng, hạn hán.

- Đối với nắng nóng: Chỉ đạo nhân dân theo dõi thông tin dự báo thời tiết; hạn chế tiếp xúc với nắng nóng (Đặc biệt giữa trưa); mặc quần áo thoáng mát, thấm mồ hôi, sử dụng đồ bảo hộ nếu cần; bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý trong môi trường nhiệt độ cao; quan tâm nhiều hơn đến sức khỏe của trẻ nhỏ, người cao tuổi, người khuyết tật, theo dõi quản lý trẻ em, đề phòng đuối nước. Hạn chế chăn thả gia súc, gia cầm khi nhiệt độ ngoài trời trên 37°C ; cho ăn uống đầy đủ, giữ vệ sinh, làm thoáng mát chuồng, trại; che lưới chống nắng, che phủ mặt ruộng, giữ độ ẩm cho cây trồng; tưới nước cho cây vào sáng sớm và chiều muộn.

- Đối với hạn hán: Quản lý chặt chẽ nguồn nước, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, ưu tiên đảm bảo cấp đủ nước sinh hoạt cho người và gia súc; sử dụng nước tiết kiệm, chống thất thoát nước. Tiến hành nạo vét hệ thống kênh mương, hệ thống các trục kênh tưới tiêu; tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm dã chiến tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước, tưới tiêu. Chỉ đạo các Nhà máy Thủy điện xả nước hợp lý phục vụ công tác dự trữ

nước, bơm nước chống hạn. Vận động nhân dân chủ động sử dụng các nguồn nước tưới; ưu tiên cung cấp điện, vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm.

- Lực lượng ứng cứu: Phòng Nông nghiệp và PTNT/Kinh tế; các tổ, đội quản lý thủy lợi, người dân; các Công ty xây dựng thủy lợi; Bộ đội Biên phòng; Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện; Công an, Dân quân tự vệ, Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã và các lực lượng khác được huy động trên địa bàn cấp huyện, cấp xã.

- Phương tiện, trang thiết bị ứng phó: Máy bơm, ống dẫn nước các loại.

d) Đối với rét hại, sương muối, sương mù

- Rét hại là khi nhiệt độ trung bình trong ngày dưới 13°C ($T_{tb} \leq 13^{\circ}\text{C}$).

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chủ động cập nhật các bản tin dự báo, cảnh báo sớm và tham mưu cho Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND tỉnh ban hành các công điện, quyết định, văn bản chỉ đạo kịp thời ứng phó với rét hại, sương muối tới các cấp, các ngành, các địa phương để chủ động phòng tránh.

- Triển khai đồng bộ các biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho các đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ em, người khuyết tật,... Căn cứ diễn biến rét hại; Chủ tịch UBND cấp huyện chủ động quyết định cho học sinh THCS, tiểu học, mầm non nghỉ học nhưng phải đảm bảo tiến độ dạy và học.

- Đối với cây trồng, vật nuôi: Xây dựng phương án phòng chống rét cho cây trồng, vật nuôi và triển khai thực hiện tốt Phương án phòng chống rét được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3679/QĐ-UBND ngày 14/10/2021; trong đó:

+ Che chắn chuồng trại cẩn thận, tránh gió lùa, mưa hắt, tránh để nền trại ẩm ướt, lầy lội; không thả rông, chăn thả gia súc ngoài trời vào những ngày giá rét; cung cấp thức ăn, nước uống đầy đủ cho gia súc, bổ sung thức ăn tinh (Bột ngô, sắn, cám gạo), muối khoáng, vitamin, men tiêu hóa...; mặc áo chống rét cho gia súc (Tận dụng áo cũ, chăn cũ, bao tai gai, bao tải dứa); vệ sinh chuồng trại sạch sẽ và thay chất độn chuồng; chủ động dự trữ thức ăn thô (Rơm rạ, cỏ khô, phụ phẩm nông nghiệp); dự trữ chất đốt (Củi, trấu, mùn cưa,...) để sưởi ấm cho đàn gia súc; thực hiện tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phòng bệnh, vệ sinh tiêu độc, khử trùng, chuồng trại, xử lý chất thải vật nuôi tránh dịch bệnh; thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thú y, khuyến nông, sẵn sàng triển khai phương án khắc phục, phục hồi sản xuất sau rét đậm, rét hại, sương muối.

+ Chủ động che chắn cây trồng bằng ni lông, bạt...; tăng cường các biện pháp chăm sóc, tưới nước, bón phân hữu cơ, phân NPK...; thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan khuyến nông, bảo vệ thực vật. Nghiên cứu đề xuất giống cây trồng thích nghi với điều kiện thời tiết, khí hậu khắc nghiệt. Chuẩn bị đủ cơ sở về giống cây trồng, vật tư để sẵn sàng triển khai phương án khắc phục, phục hồi sản xuất sau rét đậm, rét hại, sương muối.

đ) Đối với lốc, sét, mưa đá

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chủ động cập nhật các bản tin dự báo, cảnh báo sớm và tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh ban hành các công điện, văn bản chỉ đạo ứng phó với lốc, sét, mưa đá tới các cấp, các ngành, các địa phương để chủ động ứng phó.

- Căn cứ dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của lốc, sét, mưa đá, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chủ động chỉ đạo UBND cấp huyện, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, cấp xã triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với từng tình huống lốc, sét, mưa đá.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền kịp thời đến người dân những bản tin dự báo, cảnh báo mưa đá, lốc xoáy để chủ động ứng phó an toàn cho người, vật nuôi và các tài sản khác; hạn chế tác hại của mưa đá đối với các vật dụng, đồ dùng, máy móc, cây trồng... Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết, thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời có biện pháp phòng, tránh và ứng phó kịp thời, hiệu quả. Huy động mọi lực lượng giúp dân chằng chống nhà cửa để tăng độ vững chắc nhằm đề phòng giông, lốc xoáy; nếu nhà ở lợp bằng lá, tôn tráng kẽm, fibroximăng, ngói có thể dẫn lên mái nhà các loại thanh nẹp bằng gỗ, dây sắt, dây kẽm cỡ lớn hoặc các bao chứa cát để hạn chế tốc mái khi có giông, lốc xoáy. Tuyên truyền cho người dân không đứng gần, tránh trú dưới cây to, nhà thô sơ, cột điện,... để tránh bị va đập, dè bẹp hoặc điện giật hoặc đứng gần, thò đầu ra ngoài cửa sổ, cửa đại, tường ngoài của căn nhà, trú trong căn phòng nhỏ có hướng ngược với lốc xoáy; không được ở trên nóc nhà. Khi có mưa kèm theo giông lốc phải sơ tán người già, trẻ em ra khỏi những căn nhà tạm đến nơi an toàn, vững chắc; tránh núp dưới bóng cây, trú ẩn trong nhà tạm để bị sập đổ gây tai nạn.

- Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Dân quân tự vệ, Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã và các lực lượng khác được cấp huyện, cấp xã huy động trên địa bàn cấp huyện, cấp xã. Phương tiện, trang thiết bị: Máy cẩu, máy khoan cắt bê tông; máy bơm nước; các loại xe cứu hộ giao thông, xe cứu thương; cửa máy, các trang thiết bị chuyên dùng khác,...

2. Phân công, phân cấp trách nhiệm phối hợp ứng phó với thiên tai cấp độ 2

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Chỉ huy, chỉ đạo các địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh triển khai ứng phó với thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo và huy động các sở, ngành thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương đến hiện trường thực hiện nhiệm vụ đã được phân công. Huy động lực lượng: Quân đội, Công an, dân quân tự vệ, thanh niên, Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, các tổ chức, cá nhân tình nguyện. Vật tư, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của cấp tỉnh, vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai của tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh. Tùy theo loại hình và diễn biến thiên tai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Ban chỉ đạo tiền phương để chỉ đạo các lực lượng tổ chức ứng phó.

Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Thanh niên xung kích, Dân quân tự vệ, Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, các sở, ban, ngành tỉnh và các lực lượng khác của tỉnh, huyện, xã được huy động. Phương tiện, trang thiết bị: Các loại ca nô, thuyền, xuồng, xe lội nước, các loại

phao, áo phao cứu sinh, máy cầu, máy xúc, máy khoan, cắt bê tông, máy bơm nước, các hệ thống thiết bị làm mát, các thiết bị cấp nước; các loại xe cứu hộ, xe cứu thương; cửa máy và các trang thiết bị thông dụng, chuyên dùng khác. Các lực lượng tham gia ứng phó phải phối hợp hiệp đồng chặt chẽ theo: Kế hoạch số 237/KH-BCH ngày 18/5/2021 của Trưởng Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Quyết định số 3928/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp, hoạt động của Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh. Báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo và đề nghị Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

b) Văn phòng Ban chỉ huy PCTT tỉnh TKCN tỉnh; Đài Khí tượng, Thủy văn tỉnh: Chủ động cập nhật các bản tin dự báo, cảnh báo sớm; tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành các công điện, chỉ thị, quyết định về chỉ đạo ứng phó với các loại thiên tai tới các cấp, các ngành, các địa phương để chủ động ứng phó.

c) Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh: Huy động dưới 70% cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị trên địa bàn tỉnh; dưới 70% các phương tiện kỹ thuật hiện có để ứng phó với thiên tai.

d) Các Sở, ngành là thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; các sở ngành khác và các đoàn thể: Huy động dưới 50% cán bộ, công chức; dưới 70% phương tiện xe cơ giới; dưới 70% các trang thiết bị khác, như: Xe PCCR; xe chữa cháy; xuồng các loại; nhà bạt các loại; phao các loại; các trang thiết bị khác;... để ứng phó với thiên tai.

đ) Các Công ty, Doanh nghiệp, người dân: Huy động dưới 40% phương tiện cơ giới; dưới 40% lực lượng hiện có, đặc biệt khu vực bị thiên tai huy động dưới 70% lực lượng hiện có cùng với các trang thiết bị để ứng phó với thiên tai.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Được quyền huy động tối đa dưới 70% các lực lượng để ứng phó với thiên tai: Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai cấp huyện, cán bộ, công chức cấp huyện, Dân quân tự vệ, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện,... Huy động vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện, của các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn cấp huyện. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, phân công, phân cấp trách nhiệm ứng phó với thiên tai cấp độ 1. Tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán những trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán ứng phó thiên tai vì mục đích an toàn cho người dân. Chỉ đạo Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, cấp xã triển khai các biện pháp ứng phó; huy động vật tư, phương tiện, lực lượng phối hợp với các địa phương ứng phó thiên tai.

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Được quyền huy động tối đa dưới 70% các lực lượng để ứng phó thiên tai: Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, dân quân tự vệ, Đội xung kích Phòng, chống thiên tai cấp xã, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện,... Chỉ đạo Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp xã; lực lượng dân quân tự vệ cấp xã; huy động lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn cấp

xã, cộng đồng dân cư... tham gia ứng cứu; phối hợp ứng cứu với lực lượng cấp huyện, cấp tỉnh. Phát huy vai trò phương châm “4 tại chỗ” trong cộng đồng. Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội trên tinh thần “Tự mình bảo vệ mình và tự cứu lấy mình”.

h) Tùy theo tính chất, loại hình thiên tai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị cho phù hợp nhưng tối đa dưới 70%.

2.2. Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai: Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoặc huy động các nguồn lực hỗ trợ ứng phó khi xuất hiện các tình huống thiên tai có diễn biến phức tạp hoặc nguy cơ gây hậu quả lớn hoặc khi nhận được yêu cầu hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Các lực lượng tham gia ứng phó với thiên tai tại địa phương phải phối hợp chặt chẽ và theo sự chỉ huy thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo quốc gia về PCTT hoặc người được ủy quyền.

2.3. Biện pháp ứng phó cụ thể

a) Đối với áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, ngập lụt

- Cấp huyện, cấp xã: Chỉ đạo, chỉ huy và thực hiện như biện pháp ứng phó với thiên tai cấp độ 1.

- Cấp tỉnh: Xác định thời điểm thích hợp để cấm biển cấm các ngầm tràn, các khu vực nguy hiểm nhằm đảm bảo an toàn về người, tài sản. Chỉ đạo công tác đảm bảo an toàn nhà cửa, các cơ sở hạ tầng, biện pháp bảo vệ sản xuất. Hướng dẫn kiểm tra việc chằng chống nhà cửa, chặt tỉa cành cây, thu hoạch mùa màng, lồng bè nuôi trồng thủy sản khi có hoàn lưu bão, ATNĐ. Rà soát xác định khu vực bị ảnh hưởng; xác định số hộ cần sơ tán; hỗ trợ sơ tán dân ra khỏi khu vực có khả năng bị ảnh hưởng; đặc biệt là vùng thấp, trũng, trong đó chú trọng đến các đối tượng dễ bị tổn thương: Người già, trẻ em, người khuyết tật. Sẵn sàng lực lượng cứu hộ, cứu nạn khi có các tình huống xảy ra. Phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, các cơ quan đơn vị theo chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý. Trực ban 24/24h để theo dõi nắm bắt thông tin, truyền tải thông tin, xử lý các tình huống sự cố, thiên tai. Tuần tra trực tiếp tại các khu vực trọng điểm xung yếu, trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp thì chủ động ứng phó hoặc hỗ trợ người dân ứng phó.

- Huy động lực lượng, phương tiện để cứu chữa kịp thời những người bị thương; người bị thương nặng phải được chuyển nhanh lên bệnh viện tuyến trên để cứu chữa; khẩn trương tìm kiếm những người còn mất tích (nếu có). Huy động lực lượng để sơ tán, di chuyển những người còn sống tới nơi an toàn; dựng lều bạt cho Nhân dân tạm trú; cứu trợ khẩn cấp; chuẩn bị các điều kiện thiết yếu cho Nhân dân; động viên, thăm hỏi, chia sẻ mất mát; hỗ trợ kịp thời về vật chất và tinh thần cho những người bị mất người thân, mất tài sản (nếu có).

b) Đối với lũ, lũ quét, sạt lở đất

- Cấp huyện, cấp xã: Chỉ đạo, chỉ huy và thực hiện như biện pháp ứng phó với thiên tai cấp độ 1.

- Cấp tỉnh: Chỉ đạo công tác trực ban theo dõi giám sát diễn biến mưa lũ; chỉ huy các lực lượng tham gia phối hợp ứng phó chặt chẽ; huy động lực lượng phối hợp với cộng đồng thôn bản, thân

nhân người bị nạn thực hiện hỗ trợ động viên kịp thời nếu có thiệt hại về người. Chỉ đạo hệ thống thông tin liên lạc để chính quyền các cấp điều hành, báo cáo tình hình lũ, lũ quét, sạt lở đất, tình hình thiệt hại do lũ, lũ quét, sạt lở đất gây ra trên địa bàn và những yêu cầu cần được cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ khẩn cấp. Chỉ đạo hệ thống giao thông, cầu cống, đường dân sinh đảm bảo công tác cứu hộ, cứu nạn; chỉ đạo công tác cứu trợ khẩn cấp có thể tiếp cận sớm nhất với người dân vùng bị lũ, lũ quét, sạt lở đất. Thực hiện cứu hộ, cứu nạn đối với người, công trình cơ sở hạ tầng khu vực bị thiệt hại. Triển khai lực lượng đảm bảo an ninh, trật tự khu vực bị thiệt hại; huy động vật tư, nhân lực để ứng phó thiên tai. Dọn dẹp vệ sinh môi trường, phòng tránh dịch bệnh phát sinh. Khi phát hiện có dấu hiệu của dịch bệnh phải tập trung lực lượng, phương tiện khoanh vùng; bao vây dập tắt dịch trong thời gian ngắn nhất, hạn chế lây lan ra cộng đồng.

c) Đối với lốc, sét, mưa đá

- Cấp huyện, cấp xã: Chỉ đạo, chỉ huy và thực hiện như biện pháp ứng phó với thiên tai cấp độ 1.

- Cấp tỉnh: Chuẩn bị lực lượng phối hợp chặt chẽ sẵn sàng cứu nạn, cứu hộ; đảm bảo thông tin liên lạc giữa cơ quan chỉ huy, chỉ đạo, điều hành với chính quyền địa phương các cấp để xử lý sự cố, thiên tai. Nắm chắc các biện pháp kỹ thuật phòng chống lốc, sét, mưa đá; quy mô, địa hình nơi xảy ra lốc, sét, mưa đá; mạng lưới giao thông,...; phổ biến kiến thức kỹ năng ứng phó tới người dân; nắm bắt thông tin về rủi ro thiên tai do lốc, sét, mưa đá. Huy động mọi lực lượng ứng cứu; phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các cấp, các ngành khi ứng cứu.

d) Đối với nắng nóng, hạn hán

- Cấp huyện, cấp xã: Chỉ đạo, chỉ huy và thực hiện như biện pháp ứng phó với thiên tai cấp độ 1.

- Cấp tỉnh: Sử dụng các phương tiện thông tin tuyên truyền để truyền tải các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết; hướng dẫn nhân dân kiến thức kỹ năng ứng phó với nắng nóng, hạn hán. Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt là người già, trẻ em. Khuyến cáo người dân hạn chế ra đường trong những giờ cao điểm nắng nóng. Chỉ đạo kiểm tra rà soát diện tích cây trồng, thực hiện trồng mới thay thế cây có dấu hiệu chết khô, chết héo; khuyến khích các tổ chức kinh tế xã hội lắp đặt hệ thống thu năng lượng mặt trời nhằm giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của nắng nóng, đồng thời cung cấp năng lượng sạch phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt. Chỉ đạo quản lý chặt chẽ nguồn nước, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, ưu tiên đảm bảo cấp đủ nước sinh hoạt cho người và gia súc. Chỉ đạo nạo vét hệ thống kênh mương, hệ thống các trục kênh tưới tiêu; tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm đã chiến tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước, tưới tiêu. Chỉ đạo các Nhà máy Thủy điện xả nước hợp lý phục vụ công tác dự trữ nước, bơm nước chống hạn.

đ) Đối với rét hại, sương muối

- Cấp huyện, cấp xã: Chỉ đạo, chỉ huy và thực hiện như biện pháp ứng phó với thiên tai cấp độ 1.

- Cấp tỉnh: Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng chống rét cho người, đặc biệt chú ý các đối tượng dễ bị tổn thương như: Người già, người khuyết tật, trẻ em. Căn cứ tình hình rét hại,

Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho học sinh THPT nghỉ học nhưng phải đảm bảo tiến độ dạy và học.

- Đối với cây trồng, vật nuôi: Xây dựng phương án phòng chống rét cho cây trồng, vật nuôi. Hướng dẫn tổ chức che chắn cho đàn gia súc, làm chuồng cho gia súc, bảo đảm nguồn thức ăn cho gia súc; triển khai các biện pháp bảo vệ cây trồng, nghiên cứu đề xuất áp dụng giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với khí hậu, thời tiết khắc nghiệt; chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị, vật tư hỗ trợ cho sản xuất, bảo vệ cây trồng, vật nuôi khi cần thiết, sẵn sàng triển khai phương án phục hồi sản xuất sau rét đậm, rét hại, sương muối. Chuẩn bị đủ cơ sở giống cây trồng, vật nuôi. Xây dựng kế hoạch dự trữ lương thực, thức ăn chăn nuôi, thực hiện các biện pháp tiết kiệm chất đốt để phòng chống rét đậm, rét hại kéo dài ngày; khẩn trương hỗ trợ vật tư, giống cây trồng, vật nuôi cho các hộ dân bị thiệt hại ổn định sản xuất.

3. Phân công, phân cấp trách nhiệm phối hợp ứng phó với thiên tai cấp độ 3

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Báo cáo và đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ. Chịu trách nhiệm chỉ huy, chỉ đạo và huy động nguồn lực theo thẩm quyền, triển khai các biện pháp ứng phó với thiên tai trên địa bàn tỉnh; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

Lực lượng ứng cứu: Quân đội, Công an, Thanh niên xung kích, Dân quân tự vệ, Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, các sở, ban, ngành tỉnh và các lực lượng khác của tỉnh, cấp huyện, cấp xã được huy động....

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Được huy động 100% lực lượng Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh, các Sở, ban, ngành tỉnh, cấp huyện, cấp xã, các công ty, doanh nghiệp, người dân. Huy động 100% các phương tiện kỹ thuật, cơ giới, trang thiết bị để ứng phó thiên tai cấp độ 3, trong đó quan tâm đặc biệt những khu vực bị thiên tai phức tạp. Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định đã phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2 phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

c) Trường hợp rủi ro thiên tai trên cấp độ 3 có diễn biến phức tạp, có nguy cơ cao gây hậu quả nghiêm trọng; Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai báo cáo Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo.

3.2. Biện pháp ứng phó cụ thể với thiên tai cấp độ 3

a) Cấp tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố huy động tổng lực mọi nguồn lực để ứng phó với thiên tai. Thành lập Ban Chỉ đạo tiền phương để chỉ đạo các lực lượng tổ chức ứng phó.

b) Cấp huyện, cấp xã: Huy động tối đa mọi nguồn lực và phối hợp với các lực lượng chi viện từ bên ngoài để ứng phó thiên tai. Các huyện, xã lân cận khẩn trương huy động lực lượng sẵn chi viện, giúp đỡ các địa phương ứng phó thiên tai.

c) Phương tiện, trang thiết bị: Các loại ca nô; tàu thuyền, xuồng; xe lội nước; các loại phao, áo phao cứu sinh; máy cẩu, máy xúc; Flycam; máy cắt bê tông; máy đục bê tông; máy khoan bê tông; trạm bơm, máy bơm nước; các hệ thống thiết bị làm mát; các thiết bị cấp nước; các loại xe cứu hộ giao thông; xe cứu thương; cưa máy và các trang thiết bị thông dụng và chuyên dụng khác.

d) Tùy theo tính chất, loại hình thiên tai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị cho phù hợp nhưng được huy động tối đa dưới 100%.

III. Huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm

1. Nguồn nhân lực: Được huy động từ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên Phòng tỉnh; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể; các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường, thị trấn; dân quân tự vệ; thanh niên xung kích; Đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; các doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

2. Lực lượng huy động:

a) Huy động lực lượng: Tổng số 17.253 người, trong đó Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh: 1.630 người. Các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố, Doanh nghiệp 1.570 người; các xã, phường, thị trấn 14.053 người (Bao gồm cả Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã); trong đó:

- Lực lượng thường trực sẵn sàng ứng cứu luôn luôn duy trì: 9.761 người, trong đó: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Biên phòng, Công an tỉnh: 539 người; các sở, ngành huyện, thành phố, Doanh nghiệp 517 người; 152 xã, phường, thị trấn/8.705 người; bình quân 57 người/xã.

- Lực lượng huy động 7.492 người (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Biên phòng, Công an tỉnh: 1.052 người; các sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố, Doanh nghiệp 750 người; 152 xã, phường, thị trấn/5.690 người; bình quân 37 người/xã).

(Chi tiết tại phụ biểu 04)

b) Phương tiện, vật tư, trang thiết bị: 117.550 chiếc, trong đó: Phương tiện vận tải ô tô các loại 1.275 chiếc; trang thiết bị phương tiện chỉ huy: 463 chiếc; trang thiết bị thông tin liên lạc: 1.138 chiếc; phương tiện cứu hộ, cứu nạn trên sông: 8.476 chiếc; trang thiết bị chữa cháy rừng 25.188 chiếc; trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy 1.354 chiếc; trang thiết bị vật tư y tế 79.357 chiếc; trang thiết bị cấp nguồn điện 134 chiếc; trang thiết bị khác 165 chiếc. Căn cứ tình hình thực tế và loại hình thiên tai, mức độ ảnh hưởng; Chủ tịch UBND tỉnh huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, trang thiết bị ứng cứu phù hợp.

(Chi tiết tại phụ biểu 05)

3. Trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị

Khi thiên tai xảy ra đến mức độ phải huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị; các sở, ngành, các cơ quan, đơn vị, các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và Phương án này, huy động đảm bảo lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để thực hiện.

4. Ứng phó thiên tai đảm bảo dịch Covid - 19: Việc ứng phó với thiên tai phải đảm bảo Phòng, chống dịch bệnh Covid - 19 theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”; Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Y tế về phòng chống dịch Covid-19; các văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo về phòng chống dịch Covid-19.

Phần III

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Phân công nhiệm vụ

1. Các Sở, ban, ngành, các cơ quan đơn vị là thành viên Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh về kiện toàn, phân công nhiệm vụ Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Quy chế phối hợp, hoạt động của Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh tại Quyết định số 3928/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh, tổ chức thực hiện ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp, hiệu quả.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Xây dựng phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai xong trước 30 tháng 3/2022, trong đó, phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể cho các cấp, các ngành ở địa phương để ứng phó với thiên tai; huy động đảm bảo lực lượng, trang thiết bị ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro do thiên tai. Chủ động rà soát dân cư để có kế hoạch ứng phó với thiên tai kịp thời; kiểm tra, rà soát, đánh giá, quản lý việc xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là công trình giao thông, thủy lợi, hồ đập, hệ thống tiêu thoát nước, khu hầm lò, khai thác mỏ, khu dân cư, khu vực ven sông, suối khi có mưa lũ; đánh giá mức độ an toàn hồ đập. Ngăn chặn các hoạt động làm tăng nguy cơ lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; tuyên truyền vận động nhân dân chuẩn bị đầy đủ các điều kiện ứng phó với thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”, sửa chữa, gia cố nhà ở để đảm bảo sức chống chịu với mưa lũ, dông lốc,... Chủ động bố trí nguồn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp, hiệu quả.

II. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Phương án này; các sở, ban, ngành, đoàn thể xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó với thiên tai theo cấp rủi ro thiên tai năm 2022 xong trước 30 tháng 3/2022 phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

2. Các cơ quan Trung ương, Doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh phải chủ động xây dựng và phê duyệt Phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai xong trước 30 tháng 3/2022 phù hợp với đặc điểm, tình hình của đơn vị; phối hợp tích cực với các sở, ban, ngành tỉnh trong công tác ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Cơ quan Thường trực phòng, chống thiên tai tỉnh*) tổ chức kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các tổ chức đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện tốt Phương án này 7.

Phụ biểu 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ CHỖ Ở AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Phương án Ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2022 ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

I. THÔNG TIN ĐỊA PHƯƠNG

TT	Thông tin tổng hợp	ĐVT	Toàn tỉnh	Bảo Yên	Bảo Thắng	Văn Bàn	Bát Xát	Mường Khương	Bắc Hà	Si Ma Cai	Sa Pa	TP Lào Cai
1	Số huyện, thành phố		9									
2	Số xã		127	18	15	23	23	16	21	13	18	17
3	Tổng số hộ điều tra	Hộ	108,699	20,481	14,844	13,225	17,013	11,225	13,467	5,643	11,996	805
4	Tổng số hộ hiện có	Hộ	165,027	20,481	30,187	19,623	17,013	13,131	13,467	7,110	11,996	32,019
5	Tổng số người	người	713,513	86,870	110,520	90,275	77,554	62,863	65,277	36,816	61,414	121,924
6	Nam	người	361,318	45,154	55,976	45,770	39,547	31,689	33,627	18,532	30,209	60,814
7	Nữ	người	352,195	41,715	54,544	44,505	38,007	31,174	31,650	18,285	31,205	61,110
8	Trẻ em dưới 6 tuổi	người	95,061	11,105	23,172	8,360	9,120	7,126	8,578	5,294	9,815	12,491
9	Người già trên 60 tuổi	người	57,016	7,339	8,983	5,453	4,332	4,230	4,163	1,463	6,001	15,052
10	Người khuyết tật	người	4,347	896	696	477	452	255	212	240	261	858
11	Dân tộc Kinh	người	244,736	22,120	71,064	7,903	15,388	7,142	10,376	1,544	12,043	97,156

II. TỔNG HỢP THÔNG TIN KHẢO SÁT

1	Tổng số hộ	Hộ	12,942	2,110	633	1,527	3,094	2,027	796	612	1,624	519
---	------------	----	--------	-------	-----	-------	-------	-------	-----	-----	-------	-----

	đã bị thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất hoặc thiên tai nguy hiểm (trong 05 năm gần đây)	người	58,178	8,889	2,658	6,666	13,925	8.216	3,852	3,400	8,496	2,076
2	Chỗ ở nằm trên đồi, núi hoặc mái dốc đảo, đập (san, gạt)											
2a	<i>Số hộ xuất hiện dấu hiệu: vết nứt trên sườn đồi, nền nhà, tường nhà: cây nghiêng đổ.</i>	Hộ	4,341	1,243	60	555	501	336	147	161	1,030	308
		người	17,313	4,977	252	2,541	2,255	1,367	663	796	3,230	1,232
2b	<i>Số hộ trước và sau nhà có mái dốc (taluy âm/dương) có độ dốc cao.</i>	Hộ	15,315	2,739	613	1,902	4,878	1,707	232	1,063	1,653	528
		người	65 047	11 482	2,574	7,987	21,951	6,873	1,044	5,477	5,547	2,112
2c	<i>Số hộ gần mái dốc không có tường chắn, kê chống sạt lở, rãnh thoát nước, cây xanh.</i>	Hộ	12,453	2,201	566	1,492	4,185	1,303	206	1,019	1,063	418
		người	55,637	9,197	2,377	5,218	18,839	5,234	927	6,180	5,993	1,672
2d	<i>Số hộ phía trên có đào ao, hồ phục vụ sinh hoạt, sản xuất (nuôi cá, thả vịt...)</i>	Hộ	2,037	436	8	164	272	63	96	43	912	43
		người	10,485	1,930	34	1,126	1,225	260	432	227	5,079	172
2e	<i>Số hộ xung quanh không có rừng phòng hộ</i>	Hộ	27,015	4,817	1,024	7,670	4,546	3,741	-	2,412	2,359	446
		người	121,485	21,240	4,301	33,911	20,457	15,243	-	11,745	12,804	1,784
3	Chỗ ở nằm ven sông, suối, khe nước; gần công trình hồ đập, ngầm, cầu, công											
3a	<i>Số hộ phía trên (thượng nguồn) có hồ chứa đã từng xả nước gây ảnh hưởng ngập, sạt, xói lở...</i>	Hộ	1,856	1,319	-	252	119	18	74	5	43	26
		người	8,103	5,335	-	1,491	538	78	336	28	193	104

3b	<i>Số hộ mà phía trên (thượng nguồn) có các đập ngăn tạm.</i>	Hộ	1,220	256	36	151	177	4	413	6	79	98
		người	5,390	1,110	151	876	797	22	1,856	33	153	392
3c	<i>Số hộ gần chỗ ở có công, ngầm qua khe, suối đã từng bị vùi lấp do sỏi đá, bùn cát, cây lớn.</i>	Hộ	2,112	616	138	449	456	51	83	14	41	264
		người	8,846	2,255	580	2,034	2,053	212	373	73	210	1,056
4	Số hộ nằm gần hoặc dưới các bãi khai thác khoáng sản, các bãi thải vật liệu lớn.	Hộ	918	237	115	162	152	1	32	-	131	88
		người	4,802	937	937	1,085	687	3	144	-	657	352
5	Chỗ ở có sự hỗ trợ, chuẩn bị											
5a	<i>Số hộ không thường xuyên, kịp thời được nhận thông tin cảnh báo</i>	Hộ	12,136	1,003	22	1,233	4,893	892	267	2,144	1,209	473
		người	58,967	3,981	93	5,396	22,019	3,573	1,201	10,001	10,811	1,892
5b	<i>Số hộ không biết cách phòng tránh, ứng phó khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất</i>	Hộ	12,642	783	12	1,387	5,146	1,054	225	2,292	1,567	176
		người	62,628	3,114	50	6,270	23,157	4,256	1,012	11,536	12,529	704
5c	<i>Số hộ không hoặc thiếu chủ động chuẩn bị thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, đèn pin cuộc, xăng, cuộn dây...</i>	Hộ	14,260	853	34	1,475	5,752	1,168	371	2,523	1,915	169
		người	69,871	3,391	142	7,365	25,884	4,693	1,669	12,212	13,839	676
5d	Nhà đang ở dạng	Hộ	165,027	20,481	30,187	19,623	17,013	13,131	13,467	7,110	11,996	32,019
		người	713,513	86,870	110,520	90,275	77,554	62,863	65,277	36,816	61,414	121,924
	<i>Số hộ có nhà sàn:</i>	Hộ	9,354	2,901	83	3,418	21	7	1,459	805	448	212
		người	39,477	12,305	304	15,724	105	33	5,836	3,220	1,143	807
	<i>Số hộ có nhà gỗ:</i>	Hộ	58,783	9,551	2,970	4,904	10,500	7,361	7,819	4,069	8,681	2,928
		người	265,578	40,510	10,874	22,560	47,706	36,472	31,276	16,276	48,754	11,150
	<i>Số hộ có nhà tranh:</i>	Hộ	3,655	376	1,778	343	261	63	126	8	148	552
		người	14,505	1,595	6,510	1,577	1,284	260	504	32	641	2,102
<i>Số hộ có nhà xây:</i>	Hộ	91 768	7,653	25,356	10,958	6,231	5,700	4,063	761	2,719	28,327	
	người	379,709	32,460	92,832	50,414	28,459	26,098	27,661	3,044	10,876	107,865	

6	Số hộ có nhà ở chính không đảm bảo chống lốc xoáy.	Hộ	39,977	8,609	4,741	4,509	10,958	3,910	1,062	2,569	3,084	535
		người	170,045	35,725	19,912	19,310	49,311	15,725	4,248	11,338	12,336	2,140
7	Số hộ có nhà ở chính không đảm bảo phòng chống mưa đá lớn	Hộ	43,774	7,890	4,741	5,357	11,158	4,916	3,685	2,663	3,025	339
		người	184,642	31,804	19,912	22,895	50,211	19,863	14,740	11,761	12,100	1,356
8	Số hộ gia đình có đề nghị Nhà nước hỗ trợ củng cố chỗ ở bảo đảm an toàn	Hộ	29,056	3,017	1,616	2,306	14,776	2,120	935	2,517	1,075	694
		người	132,131	12,653	6,786	8,373	66,493	8,762	3,740	11,365	11,183	2,776
8a	Số hộ Cam kết đi đời khẩn cấp và đề nghị hỗ trợ kinh phí đi chuyên	Hộ	1,308	533	96	118	70	212	32	59	51	137
		người	6,570	2,309	403	754	315	1,123	128	723	267	548
8b	Số hộ Đề nghị được vay vốn ưu đãi để củng cố chỗ ở đảm bảo an toàn	Hộ	15,251	1,619	808	1,233	7,353	1,171	556	1,424	740	347
		người	68,428	6,688	3,393	4,342	33,089	4,864	2,224	6,640	5,800	1,388
8c	Số hộ Đề nghị hỗ trợ pháp lý để xây kè, mở rộng hoặc giảm tải mái ta luy	Hộ	12,337	865	712	955	7,353	737	347	924	234	210
		người	55,333	3,656	2,990	3,277	33,089	3,042	1,388	4,002	3,049	840
III. ĐÁNH GIÁ CHỖ Ở AN TOÀN												
1	Chỗ ở an toàn	Hộ	122,506	11,349	25,494	17,597	5,785	8,015	9,750	4,288	8,881	31,347
		Tỷ lệ %	74.23	55.41	84.45	89.68	34.00	61.04	72.40	60.31	74.03	97.90
2	Chỗ ở kém an toàn	Hộ	41,378	8,609	4,741	1,946	11,158	4,916	3,685	2,763	3,025	535
		Tỷ lệ %	25.07	42.03	15.71	9.92	65.59	37.44	27.36	38.86	25.22	137.00
3	Chỗ ở cần đi đời khẩn cấp	Hộ	1,215	523	24	80	70	200	32	59	90	137
		Tỷ lệ %	0.74	2.55	0.08	0.41	0.41	1.52	0.24	0.83	0.75	0.43

Phụ biểu 02: TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM CÓ NGUY CƠ LŨ ÓNG, LŨ QUÉT, SẠT LỎ ĐẤT TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Phương án Ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2022 ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Địa điểm	Ước khối lượng sạt (m ³)	Loại hình thiên tai	Ghi chú
I	Thành phố Lào Cai			
1	Ngâm tràn thôn Phìn Hồ Thầu, xã Tả Phời		Lũ ống, lũ quét	
2	Ngâm tràn thôn Phìn Hồ, xã Tả Phời		Lũ ống, lũ quét	
3	Ngâm tràn thôn Ú Xi Xung, xã Tả Phời		Lũ ống, lũ quét	
4	Ngâm tràn thôn Cóc 2, xã Tả Phời		Lũ ống, lũ quét	
5	Cầu cứng thôn Phân Lân, xã Tả Phời		Lũ ống, lũ quét	
6	Khu vực cầu sắt thôn Nậm Rịa 1, xã Hợp Thành		Lũ ống, lũ quét	
7	Khu vực cầu bê tông thôn Bắc Công, xã Hợp Thành		Lũ ống, lũ quét	
8	Khu vực suối Vàng Mạ, thôn Cáng 1, xã Hợp Thành	200	Lũ quét, sạt lở	
9	Khu vực suối thôn Pèng, xã Hợp Thành		Lũ ống, lũ quét	
10	Đầu đập tràn làng Nhón phía bên (bờ tả) thôn Suối Ngàn, xã Cam Đường		Lũ quét	
11	Đầu đập tràn làng Nhón phía bên (bờ hữu) thôn Nhón 1, xã Cam Đường		Lũ quét	
12	Đầu đập tràn Dạ 2 phía bên (bờ hữu) thôn Dạ 2, xã Cam Đường		Lũ quét	
13	Đầu đập tràn Dạ 2 phía bên (bờ tả) thôn Công trường 5, xã Cam Đường		Lũ quét	
14	Khu vực chân đồi 2, đường đi vào nhà máy tuyển xã Cam Đường	100,000	Sạt lở	
15	Khu vực chân đồi khai trường 10, xã Cam Đường	>20.0000	Sạt lở	
16	Thôn 8, xã Đồng Tuyển (2 điểm)		Lũ Quét	
II	Huyện Văn Bàn			
17	Ngâm tràn QL 279, Thôn Tông Hộc, xã Dương Quý		Lũ ống, lũ	

			quét	
18	Ngầm Hoong Khăm, Thôn Nà Hin, xã Dương Quý		Lũ ống, lũ quét	
19	Ngầm Khánh Yên Hạ, Thôn Pắc Xung (đường tỉnh lộ), xã Khánh Yên Hạ		Lũ quét	
20	Ngầm tràn Liêm Phú (Thôn Giăng - Ổ, tuyến đường Liêm Phú - Chiềng Ken)		Lũ quét	
21	Km 132, QL 279, xã Minh Lương	2,000	Sạt lở đất	
22	Km 13, Tỉnh lộ, Thôn Khe Nà, xã Nậm Tha	1,000	Sạt lở	
23	Km 16, Tỉnh lộ, Thôn Khe Tào, xã Nậm Tha	2,000	Sạt lở	
24	Km 17, Tỉnh lộ, Thôn Khe Tào, xã Nậm Tha	1,000	Sạt lở đá	
25	Ngầm Nậm Xây Nội, Xã Nậm Xây	100	Lũ ống, lũ quét	
26	Ngầm Nậm Xây Luông, Xã Nậm Xây	500	Lũ ống, lũ quét	
27	Đường lên thôn Mả Sa Phìn, xã Nậm Xây (Điểm 1: Dốc Ống Phà)	300	Lũ ống, lũ quét	
28	Đường lên thôn Mả Sa Phìn, xã Nậm Xây (Điểm 2: Qua suối đập đá)	200	Lũ ống, lũ quét	
29	Đường lên thôn Mả Sa Phìn, xã Nậm Xây (Điểm 3: Qua suối Dàn Thàng)	200	Lũ ống, lũ quét, sạt lở đất	
30	Tại điểm đường QL279 cách ngầm tràn Xi tan 50m về phía huyện Than Uyên (Lai Châu), xã Nậm Xé	350	Sạt lở đất	
31	Tại thôn Tu Thượng, gần đầu đập thủy điện Nậm Tu Trên, đường liên thôn Tu Hạ -Tu Thượng, xã Nậm Xé	250	Sạt lở đất	
32	Thôn Khe Quạt, xã Tân An	300	Sạt lở đất	
33	Ngầm Chiềng 1+2, xã Chiềng Ken		Cảnh báo lũ	
34	Thôn Phúng, xã Chiềng Ken		Cảnh báo lũ	
35	Thôn Đồng Vệ, xã Chiềng Ken	1,500	Sạt lở đất	
36	Thôn Bè 1 (dọc suối Nậm Tha), xã Chiềng Ken		Sạt lở bờ suối	
37	Thôn Xuân Tiến, xã Văn Sơn		Lũ, ngập lụt	
38	Thôn Nậm Cản, xã Dàn Thàng		Lũ ống, lũ quét	

III	Huyện Bát Xát			
39	Km 4, đường Trịnh Tường - Y Tý (thôn San Hồ, xã Trịnh Tường)	400	Sạt lở đất	
40	Km 10, đường Trịnh Tường - Y Tý (thôn Sín Chải, xã Trịnh Tường)	300	Sạt lở đất	
41	Km 15, đường Trịnh Tường - Y Tý (thôn Tả Cồ Thàng, xã Trịnh Tường)	300	Sạt lở đất	
42	Đường liên thôn Trung Liêng - Lò Suối Tùng, xã Phìn Ngan	200	Sạt lở đất	
43	Đường liên thôn Sùng Hoàng - Sùng Vành, xã Phìn Ngan	250	Sạt lở đất	
44	Km 10, đường Quang Kim - Phìn Ngan (taluy âm)	400	Sạt lở đất	
45	Km 12, đường Quang Kim - Phìn Ngan	350	Sạt lở đất	
46	Km 3+600, đường thôn Lùng Thàng, xã Bản Qua	200	Sạt lở đất	
47	Km 1+200, đường thôn Shan Lùng, xã Bản Qua	500	Sạt lở đất	
48	Ngâm tràn Nậm Chỏn, thôn Nậm Chỏn, xã Cốc Mỹ		Lũ ống, lũ quét	
49	Ngâm tràn Khoa San Chải, xã A Lù		Lũ ống, lũ quét	
IV	Huyện Bảo Thắng			
50	Điểm sạt lở bờ Sông Hồng thôn Báu, xã Thái Niên	21,000	Sạt lở đất	
51	Ngâm thôn Hải Sơn 2, xã Phú Nhuận (Tỉnh Lộ 151)	Ngâm tràn hay bị ngập lụt khi mưa to	Ngập lụt	
52	Ngâm tràn thôn Cù, xã Xuân Giao (Tỉnh lộ 151)	Ngâm tràn hay bị ngập lụt khi mưa to	Ngập lụt	
53	Điểm thôn Bản Cam, xã Gia Phú	100	Sạt lở đất	
54	Cầu tạm cuối đường GTLT đầu Nhuận, xã Phú Nhuận	Ngâm tràn hay bị ngập lụt khi mưa to	Ngập lụt	

55	Điểm Thôn Phú Sơn, xã Phú Nhuận (cách UBND xã 4km)	100	Sạt lở đất	
V	Huyện Bắc Hà			
56	Điểm sạt lở tuyến đường Cầu Nậm Tôn - UBND xã Nậm Lúc (cách 200 m)	700	Sạt lở đất	
57	Điểm sạt lở khu vực chợ Cốc Ly (cách chợ 150 m)	700	Sạt lở đất	
58	Điểm sạt lở tuyến đường UBND xã Nậm Đét đi thôn Nậm Đét (cách UBND xã 1km)	1,000	Sạt lở đất	
VI	Huyện Bảo Yên			
59	Km 5+700, đường liên xã Minh Tân - Kim Sơn (thuộc bản Minh Hải, xã Minh Tân)	3,000	Sạt lở đất	
60	Cầu nhà ông Hạnh bản 5, xã Điện Quan		Ngập lụt	
61	Ngầm bản Điện, xã Điện Quan		Ngập lụt	
62	Ngầm bản 4, xã Điện Quan		Ngập lụt	
63	Tổ dân phố 2D, thị trấn Phố Ràng		Lũ ống	
64	Tổ dân phố 1, thị trấn Phố Ràng	2000	Sạt lở, ngập lụt	
65	Tổ dân phố 2A, thị trấn Phố Ràng	1000	Sạt lở, ngập lụt	
66	Tổ dân phố 2B, thị trấn Phố Ràng	2000	Sạt lở đất	
67	Tổ dân phố 2C, thị trấn Phố Ràng	2000	Sạt lở, ngập lụt	
68	Tổ dân phố 3A, thị trấn Phố Ràng	3000	Sạt lở đất	
69	Tổ dân phố 3B, thị trấn Phố Ràng	1000	Sạt lở đất	
70	Tổ dân phố 7A, thị trấn Phố Ràng	3000	Sạt lở đất	
71	Tổ dân phố 6B, thị trấn Phố Ràng		Ngập lụt	
72	Tổ dân phố 7B, thị trấn Phố Ràng		Ngập lụt	
73	Tổ dân phố 8C, thị trấn Phố Ràng		Ngập lụt	
74	Tổ dân phố 9C, thị trấn Phố Ràng		Ngập lụt	
75	Khu nhà ông Hải Thuận thôn Múi 3, xã Yên Sơn	300	Sạt lở đất	
76	Khu nhà ông Huynh (khu bãi đổ thải gần đường QL 279) thôn Múi 2, xã Yên Sơn	500	Sạt lở đất	
77	Khu nhà ông Vượng (khu bãi đổ thải gần đường QL 279) thôn Mạ 1, xã Yên Sơn	250	Sạt lở đất	

VII	Huyện Si Ma Cai			
78	Đường Sín Chéng - Thào Chư Phìn, xã Thào Chư Phìn (thôn Hồ Sáo Chải)	100	Sạt lở	
79	Đường Hồ Sáo Chải - Cầu Pì Chải, xã Thào Chư Phìn (thôn Hồ Sáo Chải)	80	Sạt lở đất	
80	Đường Trung tâm UBND- thôn Cầu Pì Chải, xã Thào Chư Phìn (thôn Cầu Pì Chải)	300	Sạt lở đất	
81	Đường vào trung tâm Cán Chư Sủ (đăng sau trường Mầm Non xã Cán Cầu)	2000	Sạt lở đất	
82	Đường Chư Sang - Mù Tráng Phìn (Từ Chư Sang lên khoảng 1,2km) gần thôn Bản Phìn (QTS), xã Cán Cầu	1000	Sạt lở đất	
83	Đường Chư Sang - Mù Tráng Phìn (gần nhà văn hóa Mù Tráng Phìn), xã Cán Cầu	800	Sạt lở đất	
84	Khu vực thủy lợi cầu treo hồ Cán Cầu	3000	Sạt lở đất	
85	Cầu đập tràn Thôn Ngã Ba, xã Mản Thẩn		Lũ quét	
86	Tại cầu cạn đường liên xã từ huyện vào xã Mản Thẩn (thôn Hoàng Thu Phố)		Lũ quét	
87	Điểm 1 thôn Ngải Phóng Chồ, xã Sín Chéng	3000	Sạt lở đất	
88	Điểm 2 thôn Ngải Phóng Chồ, xã Sín Chéng	1000	Sạt lở đất	
89	Điểm 3 Thôn Sín Chải (khu Bản Giáng), xã Sín Chéng	6000	Sạt lở đất	
90	Điểm 4 thôn Mào Sao Phìn, xã Sín Chéng	4000	Lũ quét	
91	Điểm 5 thôn Mào Sao Chải, xã Sín Chéng	5000	Sạt lở đất	
VIII	Huyện Mường Khương			
92	Khu vực điểm dân cư thôn Lao Táo, thôn Pha Long 2	500	Hố Caster	
93	Đường QL4 khu vực điểm dân cư Nì Si 2+3, thôn Lao Ma Chải	1000	Sạt lở đất, đá	
94	Thôn Pao Pao Chải	500	Sạt lở đất, đá	
95	Thôn Tả Lùng Thắng	700	Sạt lở đất, đá	
96	Thôn Lò Suối Tùng	400	Sạt lở đất, đá	
97	Km37 đường tỉnh lộ 154 địa bàn xã Tả Thàng	600	Sạt lở đất,	

1	Văn Bàn	97	2	71	18	7	1
2	Bảo Thắng	34		26	5	3	
3	Bảo Yên	55	1	33	18	3	1
4	Bát Xát	72		24	28	19	1
5	TP Lào Cai	10		5	4	1	
6	Mường Khương	56		39	15	2	
7	Bắc Hà	54	1	26	23	5	
8	Si Ma Cai	20		14	4	2	
9	Sa Pa	47	3	26	15	5	1
10	Cộng	445	7	264	130	47	4

Phụ biểu 04: PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN, VẬT TƯ, NHU YẾU PHẨM NĂM 2022

(Kèm theo Phương án Ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2022 ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Danh mục	ĐVT	Số Lượng	Nguồn huy động	Đơn vị đảm nhiệm	Ghi chú
1	Nguồn nhân lực ứng cứu	Người	17,253	Lực lượng tự vệ cơ động địa phương;	Lực lượng vũ trang (BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 1.630 người), các sở, ngành huyện, TP, DN 1.570 người; 152 xã, phường, thị trấn 14.053 người (b/q mỗi xã 92 người); trong đó: 11.505 người thuộc lực lượng xung kích cấp xã	
-	Lực lượng thường trực sẵn sàng ứng cứu	Người	9,761	các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân	BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 539 người; các sở, ngành huyện, TP, DN 517 người; 152 xã phường thị trấn 8.705 người (mỗi xã 37 người)	
-	Lực lượng huy động	Người	7,492		BCH Quân sự tỉnh, BCH Biên phòng, Công an tỉnh: 1.052 người; các sở, ngành huyện, TP, DN 750 người; 152 xã phường thị trấn 5.609 người (mỗi xã 50 người)	

2 Phương tiện và trang thiết bị					
	Xe Ô tô các loại	Chiếc	1,275	Các cơ quan, đơn vị; các tổ chức trên địa bàn tỉnh	Văn Bàn 01; Bát Xát 01; Sở GTVT và XD 42; Công an tỉnh 104; CCKL 15; Si Ma Cai 01; Mường Khương 1.022; Bảo Yên 10; Sa Pa 10; TP Lào Cai 66; Bắc Hà 3
-	Xuồng Máy	Chiếc	5	Huy động các cơ quan, đơn vị; các Doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân	TP Lào Cai 01, Chi cục Kiểm Lâm 01, Bộ CHQS 1; Bộ chỉ huy Biên phòng 2.
-	Áo Phao	Cái	2,230		BCH Quân sự tỉnh 50; BCH Biên phòng 30; Công an tỉnh 30; Văn phòng UBND tỉnh 10; Sở GD và ĐT 120; Đài PT-TH tỉnh 20; Sở LĐ 5; Công thương 5; VP TT BCH PCTT 30; CC Kiểm lâm 20; TP Lào Cai 175; huyện Văn Bàn 335; Bảo Thắng 330; Bảo Yên 390; Bát Xát 200; Bắc Hà 220; Si Ma Cai 40; Mường Khương 40; Sa Pa 180.
-	Phao Tròn	Cái	3,175		BCH Quân Sự tỉnh 130, BCH Biên Phòng 80, Sở Giao Thông 70, Sở NN&PTNT 20, Công an tỉnh 30, Sở GD và ĐT 300, Đài PT-TH tỉnh 10, VP TT BCH PCTT 450, TP Lào Cai 265, huyện Văn Bàn 245, Bảo Thắng 325, Bảo Yên 540, Bát Xát 250, Bắc Hà 130, Si Ma Cai 40, Mường Khương 60, Sa Pa 230.
-	Nhà bạt các loại	Bộ	104		BCH Quân Sự tỉnh 10, BCH Biên Phòng 6, Văn phòng TT PCLB tỉnh 23, Công an tỉnh 4, Tài chính 01; Sở Giáo dục và Đào tạo 2; CC Kiểm lâm 2, TP Lào Cai 6, huyện Văn Bàn 4, Bảo Thắng 10, Bảo Yên 11, Bát Xát 10, Sa Pa 9, Si Ma Cai 2; Bắc Hà 1; Mường Khương 3.
-	Cửa máy	Máy	34		Ban chỉ huy PCTT huyện Sa Pa, Bát Xát
	Máy bơm	Chiếc	6		Huyện Bát Xát 01; Sa Pa 01; Chi cục Kiểm lâm tỉnh 01; BCH Quân Sự tỉnh 1; Công an tỉnh 01; Bảo Yên 01.
	Máy phát điện các loại	Chiếc	132		Sở GT và XD: 6; Công an tỉnh: 81; Quân sự 3; CCKL 2; Bảo Yên 16; Bảo Thắng 02; Sa Pa 20; TP Lào Cai 01; Bắc Hà 01.
-	Máy xúc,	Chiếc	18		Mỗi huyện 02 xe

	máy đào					
3	Giống, vật tư NN phục hồi sản xuất: 16.458 tấn				Sở Nông nghiệp và PTNT	
-	Giống lúa các loại	Tấn	110		Trung tâm Giống	
	Giống ngô các loại	Tấn	98		Trung tâm Giống	
-	Phân bón các loại	Tấn	8,000	Thị trường tự do		
-	Phân NPK	Tấn	6,000	Thị trường tự do		
-	Phân URÊ	Tấn	550	Thị trường tự do		
-	Phân bón các loại	Tấn	1,700	Thị trường tự do		
4	Vật tư y tế				Sở Y Tế	
-	Thuốc khử trùng	tấn	12	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, huyện, thị xã, thành phố	Tại trung tâm y tế dự phòng tỉnh và trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố	
-	Thuốc chữa bệnh	cơ số	32			
-	Cáng cứu thương	bộ	41			
-	Túi cứu thương	bộ	22			
-	Dụng cụ băng bó cứu thương	bộ	237			
-	Khẩu trang cá	chiếc	74,050			

	nhân				
-	Cồn 70 độ 500ml	chai	240		
-	Dung dịch sát khuẩn	chai	1,105		

Phụ biểu 05: TRANG BỊ PHÒNG THỦ DÂN SỰ, ỨNG PHÓ SỰ CỐ THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI THỜI ĐIỂM 0H NGÀY 01/01/2022

(Kèm theo Phương án Ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2022 ngày 21/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Danh mục	ĐVT	THỰC LỰC														Nhu cầu năm 2022	
			Thời điểm 0h ngày 01/01/21	Tăng trong kỳ kiểm kê					Giảm trong kỳ kiểm kê		Thời điểm 0h ngày 01/01/22	Chất lượng						
				DTQG	UBQG	MS	VT	Cộng	Số lượng	Lý do		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5		
	TỔNG CỘNG		123,800	2,032	-	35,063	6	1,526	9,568	Hư hỏng, thanh	117,550	81,225	26,677	7,446	1,734	469	55,669	
I	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ	Xe ô tô chở người dưới 16 chỗ	chiếc	727	-	-	1	1	1	-		728	3	681	28	16	-	1
		Xe ô tô chở người đến 40 chỗ	chiếc	6	-	-	-	-	-	-		6	-	2	4	-	-	-
		Xe ô tô vận tải	chiếc	297	-	-	-	-	-	-		297	-	274	-	23	-	-
		Xe ô tô bán tải	chiếc	198	-	-	-	-	-	3	?	197	-	149	39	9	-	4
		Tòa xe đường sắt	chiếc	47	-	-	-	-	-	-		47	-	-	29	18	-	-
		Tổng		1,275	-	-	1	1	1	3		1,275	3	1,106	100	66	-	5
		II	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY	Tàu chở khách	chiếc	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-
Tàu hàng khô	chiếc			-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
Tàu chở nước	chiếc			-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
Tàu chở xăng, dầu	chiếc			-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
Tàu chở phương tiện	chiếc			-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	
Tổng				-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-
III	TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN CHIHUY	Xe chỉ huy PCLB	chiếc	10	-	-	-	-	-		10	-	5	5	-	-	2	
		Trang thiết bị quan sát, ghi hình	bộ	17	-	-	1	-	-		17	-	17	-	-	-	3	
		Trang thiết bị thông tin	bộ	139	-	-	1	-	-		13	-	13	-	-	-	2	

		Hệ thống cơ sở dữ liệu	HT	20	-	-	-	-	-	-	20	-	-	20	-	-	-		
		Hệ thống truyền hình hội nghị	HT	66	-	-	-	-	-	-	66	2	62	2	-	-	-		
		Loa chỉ huy chữa cháy rừng (loại to)	chiếc	19	-	-	-	-	-	-	20	-	12	7	-	1	22		
		Loa pin cầm tay (loại nhỏ)	chiếc	313	-	-	-	-	-	1	hồng	317	2	183	73	58	1	49	
Tổng				584	-	-	2	-	-	1	463	4	292	107	58	2	78		
IV	TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN TTLL	Xe đặc chủng thông tin	chiếc	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	-	-		
		Hệ thống TTLL vệ tinh	Tổ hợp truyền số liệu	bộ	3	-	-	-	-	-	-	3	-	3	-	-	-	-	
			Máy thu phát sóng HF	chiếc	5	-	-	-	-	-	-	5	-	5	-	-	-	-	
			Tổng đài điện tử	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
			Máy theo dõi khí tượng	trạm	8	-	-	-	-	-	-	8	-	7	-	-	1	-	
		Trang thiết bị cầm tay	Máy tính trạm	chiếc	752	-	-	-	-	-	-	752	-	505	197	20	30	20	
			Máy tính xách tay	chiếc	204	-	-	2	-	-	-	204	-	96	101	7	-	38	
			Máy quay phim	chiếc	17	-	-	1	-	-	-	18	4	10	4	-	-	8	
			Bộ Đàm	Bộ	186	-	-	-	-	-	46	hồng	146	-	108	32	3	3	69
			Máy định vị vệ tinh	chiếc	6	-	-	-	-	-	-	6	-	-	-	6	-	2	
			Tổng	1,177	-	-	3	-	-	46	1,138	4	736	334	30	34	137		
V	TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN CHCN TRÊN SÔNG	Tàu thuyền	Xuồng ST 1200	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
			Xuồng ST 750	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1		
			Xuồng ST 660	chiếc	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	-	5	
			Xuồng ST 450	chiếc	11	-	-	-	-	-	-	11	1	1	3	6	-	5	
			Xuồng cứu sinh 3 thân	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
			Xuồng đệm khí	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
			Xuồng máy các loại	chiếc	3	-	-	-	-	-	-	3	-	1	2	-	-	1	
			Xuồng nhôm	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
			Loại khác	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
			Cà nô các loại	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	
			Thuyền cao su các loại	chiếc	5	-	-	-	-	-	-	5	-	-	5	-	-	-	
			Thuyền nhôm các loại	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
			Thuyền máy các loại	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
			Thuyền loại khác	chiếc	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	-	-	
			Vỏ xuồng các loại	chiếc	3	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	-	

		Tổng		26	-	-	-	-	-	-	26	4	6	10	6	-	13	
	Thiết bị cứu sinh	Nhà bat 60m2	bộ	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	-	-	5	
		Nhà bat 24,75m2	bộ	68	16	-	-	3	4	4	cũ, rách	80	26	17	28	-	9	39
		Nhà bat 16,5m2	bộ	114	5	-	-	-	-	12	cũ, rách	107	6	23	61	1	16	43
		Dù đại	chiếc	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	1	1	-	-	-
		Áo phao tự hồi	chiếc	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	-	-
		Phao cứu sinh	chiếc	305	120	-	-	-	-	-	-	415	110	152	-	153	-	120
		Phao áo cứu sinh	chiếc	3,278	1,069	-	-	-	200	-	hồng	4,043	1,662	2,101	162	118	-	670
		Phao tròn cứu sinh	chiếc	3,230	818	-	-	-	150	-	hồng	3,765	1,370	2,179	204	12	-	400
		Phao bè cứu sinh	chiếc	33	-	-	-	-	-	-	-	33	-	33	-	-	-	27
		Phao các loại (tự nối)	chiếc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3
		Tổng		7,035	2,028	-	-	3	354	16	8,450	3,174	4,508	459	284	25	1,307	
		Tổng cộng		7,061	2,028	-	-	3	354	16	8,476	3,178	4,514	469	290	25	1,320	
VI	TRANG THIẾT BỊ CHỮA CHÁY RỪNG	Quần áo chống cháy đặc biệt trong lâm lửa	bộ	24	-	-	-	-	-	-	-	24	8	14	-	-	2	58
		Quần áo phòng da, phòng độc	bộ	21	-	-	-	-	-	-	-	21	-	21	-	-	-	51
		Quần áo chống bức xạ nhiệt	bộ	48	-	-	-	-	-	-	-	48	-	48	-	-	-	65
		Mặt nạ phòng khói	bộ	37	-	-	-	-	-	-	-	37	13	24	-	-	-	111
		Quần áo BHLĐ	bộ	1,112	-	-	14	-	-	-	-	1,126	-	1,126	-	-	-	200
		Bình bom nước đeo vai	bình	113	-	-	-	-	-	64	hồng	53	10	39	-	-	4	86
		Bình bột	bình	125	-	-	-	-	-	62	hồng	78	6	56	-	-	16	80
		Dao phát, dao lóng	chiếc	4,832	-	-	-	-	-	1,345	hồng	3,487	84	2,420	675	278	30	540
		Bàn đập	chiếc	2,412	-	-	-	-	-	-	-	2,412	45	782	1,585	-	-	210
		Cước bàn	chiếc	590	-	-	-	-	-	29	hồng	561	-	423	-	138	-	60
		Giày đi rừng	chiếc	4,916	-	-	-	-	-	1,824	hồng	3,137	-	2,276	680	116	65	270
		Ứng chữa cháy	đôi	713	-	-	-	-	-	-	-	713	-	582	78	42	11	320
		Mũ bảo hộ	chiếc	6,014	-	-	-	-	-	2,310	hồng	3,774	-	2,447	1,117	140	70	390
		Cần nhựa đựng nước	cái	775	-	-	-	-	-	317	hồng	458	-	458	-	-	-	60
		Đèn pin	cái	3,274	-	-	-	-	-	1,943	hồng	1,331	-	1,219	72	40	-	190
		Đèn pin xách tay	chiếc	217	-	-	-	-	-	40	hồng	177	-	132	32	5	8	170
		Bình tổng đựng nước	chiếc	5,508	-	-	-	-	831	hồng	4,704	383	2,675	1,503	116	27	285	

		Ba lô	chiếc	118	-	-	-	-	-	63	hồng	55	-	53	-	2	-	90	
		Cào rỗng	chiếc	91	-	-	-	-	-	71	hồng	40	-	20	-	-	20	30	
		Xăng gấp, xăng to	chiếc	1,173	-	-	-	-	-	52	hồng	1,121	10	961	-	147	3	140	
		Quần áo đi rừng	bộ	579	-	-	-	-	-	-		579	121	453	-	-	5	55	
		Quần áo chống nhiệt	bộ	60	-	-	-	-	-	15	hồng	60	5	15	-	25	15	55	
		Kính bảo hồng	chiếc	15	-	-	-	-	-	-		15	2	12	1	-	-	17	
		Mũ cối	chiếc	575	-	-	-	-	-	-		575	-	440	35	100	-	-	
		Áo mưa	chiếc	44	-	-	-	-	-	-		44	-	10	34	-	-	-	
		Câu liềm	chiếc	384	-	-	-	-	-	89	hồng	296	25	271	-	-	-	105	
		Bồ cào	cái	2	-	-	-	-	-	-		2	-	-	-	2	-	-	
		Riu cứu nạn	cái	1	-	-	-	-	-	-		1	-	-	1	-	-	-	
		Xà beng	cái	1	-	-	-	-	-	-		1	-	-	1	-	-	-	
		Búa tạ	cái	1	-	-	-	-	-	-		1	-	-	1	-	-	-	
		Thang nhôm chữa cháy	cái	14	-	-	-	-	-	-		14	-	-	-	14	-	-	
		Trạm khí tượng thủy văn	trạm	6	-	-	-	-	-	-		2	-	2	-	-	-	-	
		Túi ngủ	cái	234	-	-	-	-	-	60	hồng	174	-	174	-	-	-	-	
		Trạm đo mưa	trạm	60	-	-	16	-	-	-		65	11	54	-	-	-	10	
		Trạm tổng hợp	trạm	3	-	-	1	-	-	-		2	-	2	-	-	-	-	
		Tổng		34,092	-	-	31	-	-	9,115		25,188	723	17,209	5,815	1,165	276	3,648	
VII	TRANG BỊ, PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY	Xe chữa cháy		chiếc	5	-	-	-	-	-		5	-	1	1	3	-	1	
		Máy bơm chữa cháy	Máy bơm chữa cháy (động cơ)	chiếc	37	2	-	4	-	1	-		42	8	26	4	4	-	25
			Bơm dòng hút cạn, (hút bùn)	chiếc	4	-	-	2	-	-	-		6	-	5	1	-	-	3
			Máy bơm nước các loại	chiếc	62	-	-	-	-	-	15	hồng	47	-	19	11	17	-	35
		Bồn chứa nước di động	chiếc	13	-	-	2	-	-	-		15	-	10	-	4	1	2	
		Kịch các loại (thủy lực, túi khí, chống úng...)	chiếc	6	-	-	-	-	-	-		6	-	6	-	-	-	2	
		Thiết bị phòng cháy chữa cháy	Ổng hút máy bơm	chiếc	53	-	-	-	-	-	2	hồng	53	1	28	5	3	16	9
			Vòi chữa cháy	cuộn	524	-	-	-	-	-	-		524	-	322	168	14	20	60

		Bộ chia nước	bộ	34	-	-	-	-	-	-	34	1	24	3	6	-	14		
		Lăng phun	chiếc	170	-	-	-	-	-	-	170	2	151	10	5	2	4		
		BHLĐ	chiếc	71	-	-	10	-	-	-	81	-	54	25	2	-	10		
	Thiết bị chữa cháy cầm tay	Máy cắt thực bì chữa cháy rừng	chiếc	95	-	-	-	-	-	-	95	-	88	-	7	-	26		
		Máy thổi gió chữa cháy rừng	chiếc	42	-	-	-	-	15	hông	27	1	20	3	3	-	13		
		Máy hút khói	chiếc	2	-	-	-	-	-	-	2	-	1	-	1	-	-		
		Máy phun đất cắt CCR	bộ	5	-	-	-	-	-	-	5	-	5	-	-	-	1		
		Thiết bị chữa cháy đồng bộ	bộ	1	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	-		
		Thiết bị trộn hóa chất	bộ	4	-	-	-	-	-	-	4	-	4	-	-	-	-		
		Thiết bị phòng hộ Mặt nạ, bình dưỡng khí, bộ thở cá nhân)	bộ	122	-	-	2	-	-	-	124	7	108	-	9	-	15		
		Thiết bị thoát hiểm (Ông thoát hiểm, đệm rơi, thang dây...)	bộ	1	-	-	-	-	-	-	1	-	1	-	-	-	-		
		Máy tính bảng	chiếc	10	-	-	-	-	-	-	10	10	-	-	-	-	2		
		Máy tính để bàn	chiếc	12	-	-	-	-	-	-	12	11	-	1	-	-	2		
		Máy cưa xăng	chiếc	38	-	-	-	-	2	hông	36	-	6	28	2	-	34		
		Máy định vị GPS	chiếc	114	-	-	-	-	67	hông	47	9	38	-	-	-	28		
		Máy SANTO theo dõi khí tượng	chiếc	5	-	-	-	-	3	hông	2	-	1	1	-	-	-		
		Ông nhôm	chiếc	5	-	-	-	-	-	-	5	-	3	2	-	-	17		
		Bộ loa tuyên truyền lưu động	bộ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3		
		Tổng		1,435	2	-	20	-	1	104	1,354	50	921	263	81	39	306		
VIII	TRANG THIẾT BỊ VẬT TƯ, Y TẾ	Hóa chất khử khuẩn, khử trùng	Clomin B	lọ	1,560	-	-	-	-	30	1,560	1,520	10	-	-	30	-		
			Clomin B	kg	1,144	-	-	-	-	183	992	942	20	-	-	31	820		
			Thuốc khử trùng, diệt khuẩn	lít	1,110	-	-	-	-	16	1,110	1,064	25	-	5	16	20		
				Căng cứu thương	bộ	41	1	-	1	-	2	-	41	7	28	2	4	-	28
				Túi cứu thương	bộ	22	-	-	-	-	-	2	22	-	20	-	-	2	10
				Dụng cụ băng bó cứu thương	bộ	238	1	-	-	-	1	4	237	216	13	4	4	-	237
				Khẩu trang cá nhân	chiếc	72,385	-	-	33,765	-	1,165	-	74,050	72,150	1,600	300	-	-	46,000

		Cồn 70 độ 500ml	chai	240	-	-	240	-	-	-	240	240	-	-	-	-	1,000	
		Dung dịch sát khuẩn	chai	1,105	-	-	1,000	-	-	-	1,105	1,105	-	-	-	-	2,000	
		Tổng		77,845	2	-	35,006	-	1,168	235	79,357	77,244	1,716	306	13	79	50,115	
IX	TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN CẤP NGUỒN ĐIỆN	Trạm nguồn điện; Máy phát điện 5-7KW	chiếc	125	-	-	-	2	2	7	120	16	82	22	-	-	23	
		Trạm nguồn điện; Máy phát điện 30KW trở lên	chiếc	4	-	-	-	-	-	-	4	-	4	-	-	-	6	
		Trạm nguồn điện; Máy phát điện có hệ thống đèn pha	chiếc	7	-	-	-	-	-	-	7	-	6	-	1	-	6	
		Trạm nguồn điện; máy phát	bộ	1	-	-	-	-	-	-	1	1	-	-	-	-	2	
		Thiết bị lưu điện	bộ	2	-	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	-	4	
		Tổng		139	-	-	-	2	2	7	134	17	94	22	-	-	41	
X	TRANG THIẾT BỊ KHÁC	Điện thoại	chiếc	53	-	-	-	-	-	-	53	-	23	30	-	-	2	
		Ông nhôm	chiếc	36	-	-	-	-	-	28	hông	9	2	6	-	-	1	2
		Bồn chứa nước	chiếc	29	-	-	-	-	-	-	29	-	29	-	-	-	5	
		Dây thừng	cuộn	13	-	-	-	-	-	8	hông	13	-	-	-	5	8	-
		Biển báo cấm	chiếc	38	-	-	-	-	-	5	hông	38	-	25	-	8	5	-
		Bình bột	chiếc	23	-	-	-	-	-	-	23	-	6	-	17	-	10	
		Cuốc chìm	cái	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
		Tổng		192	-	-	-	-	-	41	165	2	89	30	30	14	19	

*** Ghi chú:**

- Nguồn Dự trữ quốc gia (DTQG); Nguồn Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (UBQG); Nguồn tự mua sắm (MS); Nguồn viện trợ, ủng hộ (VT)

- Thứ tự các đơn vị khi lập báo cáo lần lượt từ: BCHQS huyện, BCHBP huyện (nếu có), Công an, VP BCH PCTT, Các Phòng ban ngành mới đến các Thị trấn, Phường, xã

*** Quy định về phân cấp chất lượng:**

Cấp 1: Là phương tiện, trang thiết bị chưa qua sử dụng, hiện vẫn niêm cất, bảo quản trong kho.

Cấp 2: Là Phương tiện, trang thiết bị mới đưa vào sử dụng, chưa qua sửa chữa lớn.

Cấp 3: Là phương tiện, trang thiết bị đang đưa vào sử dụng, hay gặp hư hỏng nhỏ hoặc đã qua sửa chữa lớn.

Cấp 4: Là phương tiện, trang thiết bị đang bị hư hỏng nặng, chưa sử dụng được chờ khắc phục, sửa chữa.

Cấp 5: Là phương tiện, trang thiết bị hư hỏng không khắc phục, sửa chữa được, chờ thanh lý.